

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CÔNG TRÌNH NCKH SINH VIÊN
THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG
SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2024 - 2025

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG CỬA KHẨU, BIÊN MẬU
VIỆT NAM – TRUNG QUỐC : NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP
TỈNH HÀ GIANG

Thuộc lĩnh vực: Chính trị học

Nhóm thực hiện nghiên cứu: Hoàng Tuấn Anh; Cháng Thị Nhung,

Năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ MỘT SỐ THUẬT NGỮ	3
DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG BIỂU.....	5
PHẦN MỞ ĐẦU.....	6
1. Lý do chọn đề tài	6
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	6
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	9
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	10
CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG CỬA KHẨU, BIÊN MẬU VIỆT NAM - TRUNG QUỐC.....	12
1.1. Khái niệm, vai trò của phát triển bền vững	12
1.1.1. Khái niệm phát triển bền vững.....	12
1.1.2. Vai trò của phát triển bền vững.....	14
1.2. Một số lý thuyết về phát triển bền vững.....	17
1.2.1. Lý thuyết về phát triển bền vững	17
1.2.2. Lý thuyết về kinh tế biên giới.....	19
1.3. Khái niệm, đặc trưng của hệ thống cửa khẩu, biên mậu.....	24
1.3.1. Các khái niệm có liên quan	24
1.3.2. Đặc trưng của hệ thống cửa khẩu và biên mậu.....	25
1.4. Nội dung phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu	26
1.4.1. Phát triển hạ tầng và hiện đại hóa công nghệ	26
1.4.2. Hợp tác thương mại và chính sách linh hoạt	28
1.4.3. Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững.....	29
1.4.4. Phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng dân cư biên giới	31
Tiểu kết chương 1	34
CHƯƠNG 2 - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG CỬA KHẨU, BIÊN MẬU VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TẠI HÀ GIANG: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	35
2.1. Tổng quan về hệ thống cửa khẩu Hà Giang	35
2.1.1. Danh sách các cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ, lối mở.....	35
2.1.2. Vai trò của hệ thống cửa khẩu trong thương mại Việt - Trung.....	40
2.2. Thực trạng phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu VN -TQ ở tỉnh Hà Giang	43
2.2.1. Kim ngạch thương mại, cơ cấu hàng hóa xuất - nhập khẩu.	43
2.2.2. Các doanh nghiệp và đối tác chính tham gia hoạt động biên mậu.	45
2.2.3. Cơ sở hạ tầng và điều kiện logistics tại khu vực cửa khẩu.	47

2.2.4. Chính sách quản lý cửa khẩu và biên mậu.....	49
2.2.5. Chính sách thương mại biên giới của Việt Nam.	52
2.2.6. Hợp tác giữa Việt Nam - Trung Quốc trong quản lý cửa khẩu.....	54
2.2.7. Các thỏa thuận thương mại và cơ chế điều phối giữa hai nước.	56
2.3. Những vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu VN -TQ ở tỉnh Hà Giang.....	57
2.3.1. Yếu tố kinh tế.....	57
2.3.2. Yếu tố chính trị và chính sách	58
2.3.3. Yếu tố cơ sở hạ tầng	60
2.3.4. Yếu tố xã hội và môi trường	62
Tiểu kết chương 2.....	65
CHƯƠNG 3 - ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG CỬA KHẨU HÀ GIANG	67
3.1. Hoàn thiện chính sách quản lý cửa khẩu và biên mậu	67
3.1.1. Cải cách thủ tục hành chính.....	67
3.1.2. Đẩy mạnh hợp tác song phương với Trung Quốc	69
3.2. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cửa khẩu.....	72
3.2.1. Nâng cấp hệ thống giao thông kết nối.....	72
3.2.2. Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu hiện đại.....	74
3.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ số	77
3.3.1. Xây dựng hệ thống hải quan điện tử	77
3.3.2. Sử dụng công nghệ blockchain trong quản lý giao dịch biên mậu	80
3.4. Phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho khu vực biên giới.....	83
3.4.1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân địa phương.....	83
3.4.2. Chú trọng bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển cửa khẩu	85
Tiểu kết chương 3.....	89
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93
PHỤ LỤC	97

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ MỘT SỐ THUẬT NGỮ

Từ viết tắt	Tiếng Việt	Tiếng Anh
ACFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc	Asean – China Free Trade Area
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á	Asian Development Bank
AI	Trí tuệ nhân tạo	Artificial intelligence
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	Association of Southeast Asian Nation
BEZs	Khu kinh tế cửa khẩu	Border Economic Zones
CBEC	Thương mại điện tử xuyên biên giới	Cross Border e-Commerce
CNG	Khí thiên nhiên nén	Compressed Natural Gas
EU	Liên Minh Châu Âu	European Union
FDI	Đầu tư nước ngoài	Foreign Direct Investment
IPCC	Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu	Intergovernmental Panel on Climate Change
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế	International Union for Conservation of Natural
NEPA	Đạo luật Chính sách Môi trường Quốc gia của Hoa Kỳ	National Environmental Policy Act
NSNN	Ngân sách nhà nước	
PPP	Đầu tư theo hình thức đối tác công – tư	Public – Private- Partnership
PTBV	Phát triển bền vững	

QR	Mã phản hồi nhanh	Quick Response code
RFID	Hệ thống nhận dạng qua tần số radio	Radio Frequency Identification
SDGs	Mục tiêu Phát triển Bền vững	Sustainable Development Goals
UBND	Ủy ban Nhân dân	
UNCTAD	Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển	United Nations Conference on Trade and Development
UNEP	Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc	United Nations Environment Programme
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization
WCED	Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển	Western Cape Education Department
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới	World Trade Organization
XNC	Xuất nhập cảnh	
XNK	Xuất nhập khẩu	

DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG BIỂU

Danh mục hình

STT	Tên hình	Trang
1	Hình 1.1. Các mô hình kinh tế biên giới	22
2	Hình 2.1. Trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy	36
3	Hình 2.2. Trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu Xín Mần	37
4	Hình 2.3. Lễ thông quan cửa khẩu Săm Pun - Điện Bông	38
5	Hình 2.4. Cửa khẩu phụ Phó Bảng (Việt Nam) - Đồng Cản (Trung Quốc)	40

Danh mục bảng

STT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 1.1. Đặc điểm của các mô hình kinh tế biên giới	20

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam và Trung Quốc có đường biên giới dài hơn 1.400 km, trong đó tỉnh Hà Giang giữ vai trò quan trọng với vị trí chiến lược trong giao thương và hợp tác kinh tế. Hệ thống cửa khẩu, biên mậu giữa hai nước, đặc biệt tại Hà Giang, không chỉ đóng vai trò là cầu nối thương mại mà còn góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và thúc đẩy quan hệ ngoại giao song phương.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững, hệ thống cửa khẩu, biên mậu tại Hà Giang vẫn còn nhiều hạn chế như cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, chính sách quản lý chưa tối ưu, các hoạt động xuất nhập khẩu còn mang tính tự phát, và vấn đề môi trường, an ninh biên giới chưa được kiểm soát chặt chẽ. Những thách thức này đòi hỏi một chiến lược phát triển bền vững nhằm nâng cao hiệu quả thương mại biên giới, đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, ổn định xã hội và an ninh quốc phòng.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu về “Phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu Việt Nam - Trung Quốc: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang” là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần đề xuất các giải pháp phát triển bền vững cho hệ thống cửa khẩu tại Hà Giang mà còn cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn giúp hoạch định chính sách kinh tế biên giới hiệu quả hơn, thúc đẩy hợp tác Việt - Trung theo hướng ổn định và lâu dài.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

a) Các công trình nghiên cứu trong nước

Trong những năm gần đây, vấn đề phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu và thương mại biên mậu giữa Việt Nam và Trung Quốc đã nhận được sự quan

tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước. Một số công trình tiêu biểu có thể kể đến như:

Nguyễn Thanh Bình (2018) với nghiên cứu “Phát triển kinh tế biên mậu Việt Nam - Trung Quốc: Cơ hội và thách thức”, đã chỉ ra những lợi ích của thương mại biên mậu đối với các tỉnh biên giới, đồng thời phân tích những khó khăn liên quan đến cơ chế chính sách, cơ sở hạ tầng và an ninh biên giới.

Trần Văn Long (2020) trong nghiên cứu “Cơ chế quản lý thương mại biên giới Việt - Trung và định hướng phát triển bền vững” tập trung vào các chính sách thương mại biên giới của Việt Nam, đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện khung pháp lý để tăng cường tính minh bạch và hiệu quả quản lý thương mại biên giới.

Viện Kinh tế Việt Nam (2022) thực hiện đề tài “Nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống cửa khẩu biên giới phía Bắc”, nhấn mạnh vào vai trò của logistics, cơ sở hạ tầng và ứng dụng công nghệ trong quản lý xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu.

Mặc dù các nghiên cứu trên đã đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau của thương mại biên giới và hệ thống cửa khẩu, song vẫn chưa có một nghiên cứu nào đi sâu vào phân tích trường hợp cụ thể của tỉnh Hà Giang trong bối cảnh phát triển bền vững. Điều này cho thấy khoảng trống trong nghiên cứu mà đề tài này hướng đến.

b) Các công trình nghiên cứu quốc tế

Trên thế giới, vấn đề phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu và thương mại biên giới cũng đã được quan tâm trong nhiều nghiên cứu quốc tế, đặc biệt là tại các khu vực có hoạt động biên mậu mạnh như Trung Quốc, ASEAN, EU, và Bắc Mỹ.

Anderson & van Wincoop (2003) với nghiên cứu “Gravity with Gravitas: A Solution to the Border Puzzle” đã phân tích ảnh hưởng của biên giới đối với thương mại và đề xuất mô hình trọng lực để đánh giá tác động của các rào cản thương mại biên giới.

Zhang et al. (2017) trong “China’s Border Trade and Regional Development” đã nghiên cứu về thương mại biên giới của Trung Quốc với các nước láng giềng, nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách biên mậu, đầu tư hạ tầng và sự phối hợp giữa các địa phương.

Nghiên cứu của World Bank (2021) “Border Management and Trade Facilitation” đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý cửa khẩu thông qua ứng dụng công nghệ số, cải cách hành chính và hợp tác xuyên biên giới để giảm chi phí giao dịch thương mại.

Mặc dù các nghiên cứu quốc tế đã cung cấp nhiều góc nhìn quan trọng về phát triển thương mại biên giới, nhưng những mô hình này chưa được áp dụng trực tiếp vào bối cảnh của Hà Giang, Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu và điều chỉnh các mô hình phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Hà Giang là cần thiết.

c) Khoảng trống nghiên cứu và hướng tiếp cận của đề tài

Từ tổng quan các nghiên cứu trong nước và quốc tế, có thể thấy rằng vẫn còn một số khoảng trống nghiên cứu, bao gồm:

Thứ nhất, chưa có nghiên cứu nào tập trung phân tích tổng thể về phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu tại tỉnh Hà Giang.

Thứ hai, Các nghiên cứu hiện tại chủ yếu tập trung vào thương mại biên giới nói chung, chưa làm rõ mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh biên giới trong phát triển bền vững.

Thứ ba, chưa có nghiên cứu nào đánh giá tác động của các chính sách thương mại biên mậu đến đời sống kinh tế - xã hội của người dân địa phương tại Hà Giang.

Vì vậy, đề tài “Phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu Việt Nam - Trung Quốc: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang” sẽ tập trung vào phân tích tổng thể và đưa ra các giải pháp phù hợp với điều kiện địa phương, góp phần bổ sung vào kho tàng nghiên cứu về thương mại biên giới Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Mục đích của đề tài là phân tích, đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu tại khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc, trong đó tập trung nghiên cứu điển hình tại tỉnh Hà Giang. Từ đó, đề tài hướng đến việc đề xuất các giải pháp khả thi nhằm phát triển hệ thống cửa khẩu, biên mậu theo hướng bền vững, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an ninh – quốc phòng và nâng cao đời sống người dân vùng biên cũng như quan hệ thương mại song phương Việt Nam – Trung Quốc.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, đề tài tập trung vào giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Thứ nhất, làm rõ các lý luận và khái niệm liên quan đến phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu và thương mại biên mậu.

Thứ hai, đánh giá thực trạng hoạt động thương mại biên mậu tại các cửa khẩu tỉnh Hà Giang, bao gồm các yếu tố về cơ sở hạ tầng, chính sách quản lý, tác động kinh tế - xã hội và môi trường.

Thứ ba, phân tích những thuận lợi, thách thức và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu tại Hà Giang.

Thứ tư, đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo phát triển bền vững cho hệ thống cửa khẩu, biên mậu tại tỉnh Hà Giang,

từ đó góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc theo hướng ổn định và bền vững.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Hệ thống cửa khẩu và thương mại biên mậu giữa Việt Nam và Trung Quốc, tập trung vào tỉnh Hà Giang.

Phạm vi nghiên cứu:

+) ***Phạm vi không gian:*** phạm vi nghiên cứu được giới hạn tại các khu vực biên giới có cửa khẩu, lối mở và các điểm giao thương biên mậu thuộc tỉnh Hà Giang (như cửa khẩu quốc gia Thanh Thủy, các cặp chợ biên giới, các điểm trao đổi cư dân biên giới), đồng thời có xem xét trong mối liên hệ với các khu vực lân cận của Trung Quốc (đặc biệt là tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây).

+) ***Phạm vi thời gian:*** Giai đoạn từ năm 2021 đến nay, kết hợp dự báo xu hướng phát triển trong thời gian tới.

+) ***Phạm vi nội dung:*** Đề tài đi sâu nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu và hoạt động biên mậu như: cơ sở hạ tầng, chính sách quản lý, mô hình phát triển kinh tế biên mậu, sự tham gia của cộng đồng địa phương, vai trò của các chủ thể (Nhà nước, doanh nghiệp, cư dân biên giới), vấn đề môi trường, an ninh – quốc phòng và hội nhập quốc tế. Trường hợp tỉnh Hà Giang được xem như một điển hình để từ đó đưa ra nhận định, kiến nghị chung cho việc phát triển hệ thống cửa khẩu, biên mậu bền vững giữa Việt Nam và Trung Quốc.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết những nhiệm vụ đặt ra, bài nghiên cứu vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và một số phương pháp nghiên cứu chủ đạo như phương pháp nghiên cứu logic - lịch sử, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, điền dã, v.v.. Ngoài ra, bài nghiên cứu còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu

phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội như phương pháp liệt kê, phương pháp mô tả và các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm khác.

Vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là nền tảng lý luận của bài nghiên cứu. Trong đó, đặt mối liên hệ giữa các chủ thể có liên quan vào mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, đảm bảo tính khách quan của thực tiễn và lịch sử trong nghiên cứu.

Đối với phương pháp nghiên cứu logic – lịch sử, nhằm đảm bảo trật tự mạch lạc và thống nhất trong toàn bài nghiên cứu nhóm tác giả phân tích quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam, giữa tỉnh Hà Giang với các tỉnh có chung đường biên giới với Việt Nam của Trung Quốc trên cơ sở lịch sử và theo mạch logic, tức là phân tích theo tiến trình lịch sử, đi từ các sự kiện lịch sử có niên đại lâu nhất đến các sự kiện gần đây.

Phương pháp thống kê, trong bài nghiên cứu tác giả có sử dụng nhiều số liệu thống kê nhằm làm rõ những điểm nổi bật, những tương quan của các chủ thể liên quan (nhà nước, doanh nghiệp, dân cư biên giới) từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá trên cơ sở các phân tích định lượng.

Phương pháp điền dã, nhằm nắm bắt được hoạt động kinh tế, biên mậu tại biên giới Việt Nam – Trung Quốc, nhóm tác giả đã thực hiện đi điền dã tại cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy (huyện Vị Xuyên), cửa khẩu quốc gia Phò Bàng (huyện Đồng Văn), Đô Long (huyện Xín Mần), lối mở cột mốc 172 (huyện Xín Mần). Khảo sát hoạt động kinh tế tại khu vực cửa khẩu Thiên Bảo (Trung Quốc), trung tâm huyện Malipo (Ma Lật Pha – Trung Quốc) nhằm thu thập thông tin thực tế, đa chiều và sát với bối cảnh địa phương tỉnh Hà Giang. Điền dã giúp kiểm chứng các thông tin thứ cấp, tiếp cận trực tiếp với đối tượng nghiên cứu, từ đó phản ánh chính xác hơn thực trạng phát triển hệ thống cửa khẩu – biên mậu tại hai vùng kinh tế biên giới.

CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG CỬA KHẨU, BIÊN MẠU VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1.1. Khái niệm, vai trò của phát triển bền vững

1.1.1. Khái niệm phát triển bền vững

Khái niệm phát triển bền vững (PTBV) lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1980 trong ấn phẩm *Chiến lược bảo tồn thế giới* do Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) xuất bản. Nội dung chính của khái niệm này nhấn mạnh rằng sự phát triển của nhân loại không chỉ dừng lại ở tăng trưởng kinh tế mà cần phải đồng thời đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của xã hội và cân nhắc tác động đến môi trường sinh thái.¹

Năm 1987, Báo cáo *Tương lai chung của chúng ta* của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED), do Liên hợp quốc thành lập, đã đưa ra định nghĩa chính thức về PTBV như sau: “*Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*”². Định nghĩa này trở thành cơ sở lý luận quan trọng, định hướng cho các chính sách phát triển bền vững toàn cầu.

Sự quan tâm đến PTBV tiếp tục được nhấn mạnh tại các hội nghị quốc tế quan trọng. Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển tổ chức tại Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về PTBV tổ chức tại Johannesburg (Nam Phi) năm 2002 đều nhấn mạnh quan điểm phát triển bền vững là sự kết hợp hài hòa giữa ba yếu tố chính: tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Cụ thể, phát triển kinh tế tập trung vào tăng trưởng kinh tế và hiệu quả sử dụng tài nguyên; phát triển xã hội nhấn mạnh vào công bằng, xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm; bảo vệ môi trường chú trọng

¹ World Wildlife Fund. (1980). *World conservation strategy: Living resource conservation for sustainable development*. Gland, Switzerland: IUCN.

² WCED. (1987). *Our Common Future*. Oxford University Press.

đến kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và cải thiện chất lượng môi trường.

Tại Việt Nam, khái niệm PTBV đã được cụ thể hóa trong hệ thống pháp luật quốc gia. Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014, đã định nghĩa PTBV như sau: “*Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường*”³. Định nghĩa này thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

Hội nghị Thượng đỉnh Trái Đất diễn ra tại Rio de Janeiro vào năm 1992 đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong việc khẳng định tầm quan trọng của việc cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường toàn cầu. Dưới góc độ khoa học và thực tiễn, tính bền vững thường được coi như là một khái niệm liên ngành, đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận và nghiên cứu các hệ thống phức tạp. Cụ thể, khái niệm “bền vững” được sử dụng để đánh giá khả năng duy trì và phát triển của một hệ thống cụ thể, có thể là hệ thống tự nhiên, xã hội, hoặc kinh tế, hoặc cũng có thể là thúc đẩy sự tích hợp hài hòa giữa các hệ thống này nhằm đạt được sự cân bằng lâu dài. Các nhà nghiên cứu thường xem xét tính bền vững thông qua lăng kính của sự tương tác giữa con người và môi trường, trong đó mục tiêu là tối ưu hóa lợi ích hiện tại mà không gây tổn hại đến tiềm năng phát triển trong tương lai.

Khái niệm về tính bền vững cũng được định nghĩa một cách rõ ràng trong khung pháp lý của nhiều quốc gia, điển hình như Đạo luật Chính sách Môi trường Quốc gia của Hoa Kỳ (NEPA), được ban hành vào năm 1969. Theo đạo luật này, tính bền vững dựa trên nguyên tắc cơ bản rằng: “*Mọi thứ chúng ta cần để tồn tại*

³ Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2014). *Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014*.

và đạt được hạnh phúc, dù trực tiếp hay gián tiếp, đều phụ thuộc vào môi trường tự nhiên của chúng ta”⁴. Văn bản lập pháp này tiếp tục nhấn mạnh rằng để theo đuổi tính bền vững, điều cần thiết là tạo ra và duy trì các điều kiện cho phép con người và thiên nhiên cùng tồn tại trong sự hài hòa hiệu quả. Sự hài hòa này không chỉ nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của thế hệ hiện tại mà còn phải đảm bảo rằng các nguồn tài nguyên và điều kiện môi trường được bảo tồn đầy đủ để phục vụ các thế hệ mai sau. Như vậy, tính bền vững không chỉ là một khái niệm lý thuyết mà còn là một nguyên tắc hành động, định hướng cho các chính sách và thực hành trên toàn cầu được nhiều quốc gia quan tâm.

Như vậy, nếu PTBV là một khung lý thuyết và thực tiễn nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện thông qua sự phối hợp giữa kinh tế, xã hội và môi trường, thì tính bền vững lại đóng vai trò như nguyên tắc cơ bản, tập trung vào việc duy trì sự nguyên vẹn và khả năng tồn tại lâu dài của các yếu tố cốt lõi như tự nhiên, xã hội, con người trong một thế giới không ngừng biến đổi. Sự khác biệt này không phải là đối lập mà là bổ trợ, trong đó PTBV cung cấp lộ trình thực hiện, còn tính bền vững xác định mục tiêu cuối cùng cần hướng tới.

1.1.2. Vai trò của phát triển bền vững

Phát triển bền vững (PTBV) đã trở thành một trong những vấn đề quan trọng nhất của thế kỷ XXI, đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo công bằng xã hội⁵. Khái niệm PTBV được nhấn mạnh trong nhiều tài liệu học thuật và chính sách quốc tế, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết của việc duy trì tài nguyên cho thế hệ tương lai mà không làm tổn hại đến nhu cầu của thế hệ hiện tại⁶.

Về phương diện kinh tế:

⁴ Hanks, E. H., & Hanks, J. L. (1969). An Environmental Bill of Rights: The Citizen Suit and the National Environmental Policy Act of 1969. *Rutgers L. Rev.*, 24, 230.

⁵ WCED (World Commission on Environment and Development). (1987). *Our Common Future*. Oxford University Press.

⁶ Daly, H. E. (1996). *Beyond growth: The economics of sustainable development*. Beacon Press.

Phát triển bền vững giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn thông qua việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và công nghệ tiên tiến. Theo Porter và van der Linde (1995), các chính sách môi trường không chỉ là một gánh nặng cho nền kinh tế mà còn có thể thúc đẩy đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh⁷. Các doanh nghiệp áp dụng nguyên tắc PTBV thường có xu hướng đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu cho thấy rằng việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn có thể giúp tăng trưởng GDP mà không gây áp lực lên môi trường (Nguyễn Văn Tuấn, 2021). Ngoài ra, phát triển kinh tế theo hướng bền vững còn giúp giảm thiểu rủi ro tài chính và khủng hoảng kinh tế, khi các doanh nghiệp chú trọng vào chiến lược dài hạn thay vì chỉ tập trung vào lợi nhuận ngắn hạn⁸.

Hơn nữa, phát triển bền vững còn giúp cải thiện năng suất lao động và tạo việc làm xanh. Các ngành công nghiệp thân thiện với môi trường, như năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái và nông nghiệp hữu cơ, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu⁹. Điều này giúp các quốc gia đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững mà không làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Về phương diện xã hội:

Phát triển bền vững đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo công bằng xã hội, giảm bất bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Học giả Amartya Sen nhấn mạnh rằng phát triển bền vững không chỉ liên quan đến kinh tế mà còn phải đảm bảo quyền con người và sự phát triển toàn diện của toàn xã hội¹⁰. Các quốc gia áp dụng mô hình PTBV thường có các chính sách an sinh xã hội mạnh mẽ, giúp cải thiện điều kiện sống của người dân.

⁷ Porter, M. E., & Linde, C. V. D. (1995). Toward a new conception of the environment-competitiveness relationship. *Journal of economic perspectives*, 9(4), 97-118.

⁸ Costanza, R., d'Arge, R., De Groot, R., Farber, S., Grasso, M., Hannon, B., ... & Van Den Belt, M. (1997). The value of the world's ecosystem services and natural capital. *nature*, 387(6630), 253-260.

⁹ OECD. (2018). *Green growth indicators 2017*. OECD Publishing.

¹⁰ Sen, A. (1999). Development as Freedom Oxford University Press Shaw TM & Heard. *The Politics of Africa: Dependence and Development*.

Ở Việt Nam, chính sách giảm nghèo bền vững đã giúp cải thiện đáng kể đời sống của người dân ở khu vực nông thôn và miền núi.¹¹ Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Xây dựng Nông thôn mới cũng là một ví dụ điển hình của phát triển bền vững, khi vừa nâng cao cơ sở hạ tầng, vừa đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Phát triển bền vững còn góp phần thúc đẩy giáo dục và y tế. Theo UNESCO, các quốc gia đầu tư vào giáo dục bền vững sẽ có nền kinh tế phát triển ổn định hơn, do nguồn nhân lực chất lượng cao giúp nâng cao năng suất lao động và đổi mới công nghệ¹². Ngoài ra, y tế cộng đồng cũng là một lĩnh vực được hưởng lợi từ PTBV, khi các chính sách bền vững giúp giảm ô nhiễm môi trường, cải thiện chất lượng nước sạch và không khí, từ đó giảm tỷ lệ bệnh tật.

Về phương diện môi trường:

Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của PTBV. Theo Rockström và cộng sự, nếu không có các biện pháp quản lý tài nguyên hợp lý, con người sẽ vượt quá giới hạn sinh thái của hành tinh¹³. PTBV giúp giảm tác động tiêu cực của con người lên hệ sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học và đảm bảo tài nguyên thiên nhiên được sử dụng một cách bền vững.

Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC, 2018) nhấn mạnh rằng PTBV có thể giúp giảm tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phát thải khí nhà kính¹⁴. Ở Việt Nam, chính sách bảo vệ rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu đã mang lại nhiều kết quả tích cực trong việc duy trì đa dạng sinh học và bảo vệ hệ sinh thái. Các sáng kiến như trồng rừng ngập mặn, phát triển nông nghiệp hữu cơ và áp dụng công nghệ xanh trong sản

¹¹ Trần Thị Hạnh. (2020). Chính sách giảm nghèo bền vững ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 36(1), 45-60.

¹² UNESCO. (2020). *Education for sustainable development: A roadmap*. Retrieved from <https://unesdoc.unesco.org/>

¹³ Rockström, J., Steffen, W., Noone, K., Persson, Å., Chapin, F. S., Lambin, E. F., ... & Foley, J. A. (2009). A safe operating space for humanity. *nature*, 461(7263), 472-475.

¹⁴ Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC). (2018). *Global warming of 1.5°C: Summary for policymakers*. Retrieved from <https://www.ipcc.ch/>

xuất là những minh chứng cụ thể cho sự kết hợp giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, PTBV còn giúp cải thiện chất lượng không khí và nguồn nước. Các nghiên cứu cho thấy rằng những quốc gia áp dụng chính sách phát triển bền vững có mức độ ô nhiễm thấp hơn và tuổi thọ trung bình của người dân cao hơn¹⁵. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay, khi ô nhiễm môi trường đã trở thành một trong những nguyên nhân hàng đầu gây bệnh tật và tử vong trên toàn cầu.

Tóm lại, phát triển bền vững không chỉ là một lựa chọn mà là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Vai trò của PTBV thể hiện rõ trong ba lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường, giúp đảm bảo sự phát triển lâu dài và bền vững của các quốc gia.

1.2. Một số lý thuyết về phát triển bền vững

1.2.1. Lý thuyết về phát triển bền vững.

Phát triển bền vững là một khái niệm trung tâm trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, nghèo đói và suy thoái môi trường. Khái niệm này lần đầu tiên được hệ thống hóa trong Báo cáo Brundtland năm 1987, nhưng nguồn gốc của nó có thể được truy ngược về các tư tưởng kinh tế cổ điển từ thế kỷ 18 và 19.

Trước Báo cáo Brundtland, Thomas Malthus (1798) đã đặt nền móng cho ý tưởng về giới hạn tài nguyên thông qua lý thuyết dân số của mình. Ông lập luận rằng sự gia tăng dân số theo cấp số nhân sẽ vượt xa khả năng cung cấp tài nguyên của Trái Đất, dẫn đến khủng hoảng nếu không có sự kiểm soát¹⁶. Tương tự, John Stuart Mill cũng đã đề xuất khái niệm “trạng thái tĩnh” (stationary state), trong đó nền kinh tế không cần tăng trưởng vô hạn mà tập trung vào sự hài hòa giữa

¹⁵ WHO. (2019). *Air pollution and health*. Retrieved from <https://www.who.int/>

¹⁶ Malthus, T. R. (1993). *An essay on the principle of population*. Oxford University Press. (Original work published 1798).

con người và thiên nhiên¹⁷. Những tư tưởng này đã góp phần hình thành nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững: sự phát triển phải tôn trọng giới hạn sinh thái và đảm bảo tính liên thế hệ.

Ngoài ra, kinh tế học môi trường cổ điển, đặc biệt là công trình của Arthur Pigou (1920), đã bổ sung khái niệm chi phí ngoại lai (externalities). Pigou nhấn mạnh rằng các hoạt động kinh tế cần tính đến tác động lên môi trường và xã hội để tránh khai thác quá mức tài nguyên¹⁸. Từ những nền tảng này, lý thuyết phát triển bền vững cổ điển đã xây dựng ba trụ cột chính: kinh tế (tăng trưởng hiệu quả), xã hội (công bằng và chất lượng cuộc sống), và môi trường (bảo vệ hệ sinh thái).

Trên bình diện quốc tế, lý thuyết này là nền tảng cho các khuôn khổ như Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, được thông qua vào năm 2015. Các mục tiêu này kêu gọi hành động toàn cầu để chấm dứt nghèo đói, bảo vệ hành tinh và đảm bảo thịnh vượng cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, việc áp dụng lý thuyết không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Sachs chỉ ra rằng “mặc dù lý thuyết phát triển bền vững cung cấp một tầm nhìn rõ ràng, nhưng việc thực thi nó thường gặp khó khăn do thiếu các công cụ đo lường cụ thể và sự mâu thuẫn giữa các ưu tiên kinh tế ngắn hạn và mục tiêu dài hạn”¹⁹.

Lý thuyết phát triển bền vững cổ điển, với nền tảng từ Báo cáo Brundtland và các tư tưởng kinh tế cổ điển, đã cung cấp một cách tiếp cận toàn diện để giải quyết các vấn đề phát triển trong mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Bằng cách nhấn mạnh sự hòa hợp giữa ba trụ cột và tính liên thế hệ, lý thuyết này không chỉ định hình các chính sách quốc gia mà còn là kim chỉ nam cho các sáng kiến toàn cầu như SDGs. Tuy nhiên, để duy trì tính phù hợp trong thế kỷ 21, lý

¹⁷ Mill, J. S. (2004). *Principles of political economy*. Prometheus Books. (Original work published 1848).

¹⁸ Pigou, A. C. (2013). *The economics of welfare*. Palgrave Macmillan.

¹⁹ Sachs, J. D. (2015). *The age of sustainable development*. Columbia University Press, p.25.

thuyết cần được phát triển thêm với các công cụ đo lường cụ thể và các chiến lược thực thi hiệu quả hơn. Nghiên cứu sâu hơn về cách khắc phục những hạn chế này sẽ là chìa khóa để biến lý thuyết thành hành động thực tiễn.

1.2.2. Lý thuyết về kinh tế biên giới.

Lý thuyết kinh tế biên giới (Frontier Economics) không phải là một khái niệm phổ biến hoặc được định nghĩa chính thức trong kinh tế học theo cách tương tự như kinh tế học tân cổ điển hay kinh tế học Keynes. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu học thuật và ứng dụng thực tiễn, thuật ngữ này có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh nghiên cứu. Cụ thể, kinh tế biên giới có thể đề cập đến các mô hình kinh tế liên quan đến các khu vực biên giới địa lý hoặc những cách tiếp cận tiên phong trong việc mở rộng giới hạn tài nguyên và công nghệ.

Trong lịch sử kinh tế học, khái niệm “biên giới” thường gắn liền với những khu vực địa lý chưa được khai thác hoặc phát triển đầy đủ, nơi tài nguyên thiên nhiên dồi dào nhưng cơ sở hạ tầng và thể chế kinh tế - xã hội còn hạn chế. Một ví dụ điển hình là lý thuyết “Frontier Thesis” của Frederick Jackson Turner (1893), trong đó ông lập luận rằng sự mở rộng về phía Tây nước Mỹ đã góp phần định hình nền kinh tế và văn hóa Hoa Kỳ thông qua quá trình khai thác tài nguyên và phát triển chủ nghĩa cá nhân.

Từ góc độ kinh tế học hiện đại, kinh tế biên giới có thể được hiểu là nghiên cứu về các yếu tố kinh tế tại những khu vực biên giới giữa các quốc gia hoặc các khu vực chưa phát triển. Những khu vực này có tiềm năng thúc đẩy thương mại, đầu tư và khai thác tài nguyên, nhưng đồng thời cũng đối mặt với nhiều thách thức như chi phí giao dịch cao, khung pháp lý chưa hoàn chỉnh hoặc tình trạng bất ổn chính trị.

Trong bối cảnh này, các mô hình phân tích chi phí - lợi ích thường được sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế của việc mở rộng hoạt động sản xuất và thương mại tại các vùng biên giới. Chẳng hạn, việc khai thác tài nguyên thiên nhiên (như

rừng hoặc khoáng sản) tại các khu vực này có thể mang lại lợi nhuận trong ngắn hạn nhưng cũng đặt ra các vấn đề về tính bền vững dài hạn, bao gồm suy thoái môi trường và xung đột xã hội. Quan điểm này phù hợp với nguyên tắc phát triển bền vững được nêu trong Báo cáo Brundtland²⁰, nhấn mạnh rằng tăng trưởng kinh tế không nên làm tổn hại đến các hệ sinh thái hoặc quyền lợi của thế hệ tương lai.

Trong lý thuyết về phát triển kinh tế biên giới, có ba mô hình phát triển chính, bao gồm:

Khu kinh tế cửa khẩu (Border Economic Zones - BEZs): Là các khu vực kinh tế đặc thù được hình thành tại cửa khẩu biên giới giữa các quốc gia, với mục tiêu thúc đẩy thương mại, đầu tư và sản xuất công nghiệp. Những khu vực này thường được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, thủ tục hải quan và đầu tư nhằm thu hút doanh nghiệp và tăng cường hợp tác kinh tế xuyên biên giới. BEZs đóng vai trò trung tâm logistics, cung cấp dịch vụ hải quan thuận lợi và thu hút doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Hợp tác kinh tế xuyên biên giới: Là mô hình hợp tác giữa hai hoặc nhiều quốc gia nhằm thúc đẩy liên kết kinh tế, thương mại và đầu tư thông qua các hành lang kinh tế, hiệp định thương mại song phương hoặc khu vực.

Mô hình kinh tế tuần hoàn: Là mô hình áp dụng vào các vùng biên giới, tập trung vào việc tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, giảm thiểu chất thải và tái chế nguyên liệu nhằm phát triển bền vững bằng việc ứng dụng công nghệ tái chế và năng lượng tái tạo nhằm giảm tác động tới môi trường.

Khu kinh tế cửa khẩu (BEZs)	Hợp tác kinh tế xuyên biên giới (CBEC)	Kinh tế tuần hoàn tại biên giới
Tập trung vào thương mại, đầu tư và lao động.	Dựa trên hạ tầng, khung pháp lý và chuỗi cung ứng.	Nhấn mạnh tái chế tài nguyên, năng lượng tái tạo và quản lý chất thải.

Bảng: 1.1. Đặc điểm của các mô hình kinh tế biên giới (Nguồn: Nhóm tác giả)

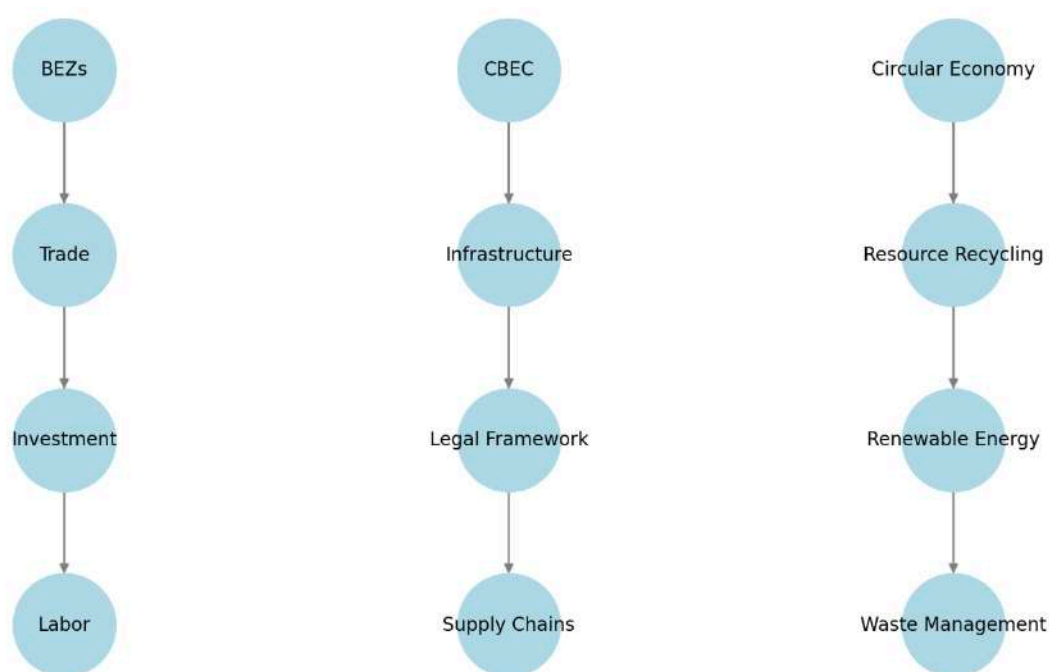
²⁰ Brundtland, G. H., & Khalid, M. (1987). *Our common future*. Oxford University Press, Oxford, GB.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và sự phát triển mạnh mẽ của mạng lưới giao thương quốc tế, khu vực biên giới ngày càng trở thành không gian kinh tế chiến lược, giữ vai trò cầu nối giữa các nền kinh tế, quốc gia và khu vực. Việc phát triển các mô hình kinh tế biên giới không chỉ nhằm tận dụng lợi thế về địa lý, tài nguyên và nguồn lực lao động mà còn góp phần giải quyết các thách thức về bất bình đẳng vùng miền, phát triển bền vững và tăng cường hợp tác xuyên quốc gia. Trong số các mô hình hiện nay, mô hình khu kinh tế cửa khẩu (Border Economic Zones – BEZs) là một hình thức điển hình, tập trung chủ yếu vào việc phát triển thương mại, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tạo ra cơ hội việc làm cho cư dân địa phương. Mô hình này thường gắn với các chính sách ưu đãi về thuế, hạ tầng và thủ tục hành chính nhằm thúc đẩy luồng hàng hóa, dòng vốn và lao động qua biên giới.

Song song đó, mô hình hợp tác kinh tế xuyên biên giới (Cross-border Economic Cooperation – CBEC) được triển khai trên cơ sở phối hợp song phương hoặc đa phương giữa các địa phương biên giới thuộc hai hay nhiều quốc gia, dựa trên nền tảng phát triển hạ tầng giao thông – logistics, khung pháp lý điều phối chung và xây dựng các chuỗi cung ứng liên vùng. Mô hình này đòi hỏi mức độ liên kết thể chế cao và thường xuất hiện trong các khuôn khổ hợp tác lớn như tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS), sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), hay các khu vực thương mại tự do song phương.

Ngoài ra, trong bối cảnh biến đổi khí hậu và áp lực môi trường ngày càng lớn, mô hình kinh tế tuần hoàn tại biên giới nổi lên như một hướng tiếp cận mới, nhấn mạnh việc tái chế tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo, kiểm soát chất thải và ứng dụng công nghệ xanh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa qua biên giới. Đây là mô hình có tiềm năng lớn trong việc đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống bền vững cho cư dân biên giới.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương – bao gồm vị trí địa lý, mức độ phát triển hạ tầng, quan hệ chính trị – kinh tế với quốc gia láng giềng, năng lực thể chế và nhu cầu phát triển – mà các mô hình này có thể được lựa chọn áp dụng đơn lẻ hoặc kết hợp linh hoạt. Việc vận dụng một cách hiệu quả các mô hình kinh tế biên giới không chỉ tạo động lực tăng trưởng mới cho khu vực biên giới mà còn góp phần củng cố ổn định xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng, từ đó thúc đẩy sự phát triển hài hòa và bền vững trong dài hạn.



Hình: 1.1. Các mô hình kinh tế biên giới (Nguồn: Nhóm tác giả)

Hình 1.1 minh họa ba mô hình kinh tế biên giới phổ biến, mỗi mô hình được cấu thành bởi một chuỗi các yếu tố vận hành khác nhau nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là phát triển kinh tế vùng biên một cách hiệu quả và bền vững.

Thứ nhất, mô hình khu kinh tế cửa khẩu (BEZs) cho thấy sự vận hành theo trục dọc bao gồm ba yếu tố chính: thương mại (Trade), đầu tư (Investment) và lao động (Labor). Trọng tâm của mô hình này là tạo ra một khu vực biên giới năng động về giao thương, nơi các doanh nghiệp có thể tận dụng các chính sách

ưu đãi để đầu tư, đồng thời thúc đẩy lưu chuyển hàng hóa và dòng lao động qua lại giữa hai bên biên giới. Mô hình này có ưu điểm trong việc nhanh chóng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu hút nguồn lực từ bên ngoài, đặc biệt phù hợp với các khu vực có cơ sở hạ tầng và thể chế tương đối ổn định.

Thứ hai, mô hình hợp tác kinh tế xuyên biên giới (CBEC) được thiết kế dựa trên ba thành tố then chốt: hạ tầng (Infrastructure), khung pháp lý (Legal Framework) và chuỗi cung ứng (Supply Chains). Điểm đặc trưng của mô hình này là sự phối hợp sâu sắc giữa các bên liên quan nhằm xây dựng những khu vực hợp tác có tính thể chế cao, trong đó các quốc gia, tỉnh/thành phố biên giới cùng tham gia điều phối chính sách, đầu tư xây dựng hạ tầng kết nối và thúc đẩy liên kết sản xuất – tiêu dùng. CBEC không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn có ý nghĩa chiến lược trong việc ổn định quan hệ láng giềng, giảm thiểu rào cản thương mại và nâng cao tính cạnh tranh của toàn khu vực.

Thứ ba, mô hình kinh tế tuần hoàn tại biên giới (Circular Economy) là mô hình mang tính bền vững cao, thể hiện qua ba thành phần: tái chế tài nguyên (Resource Recycling), năng lượng tái tạo (Renewable Energy) và quản lý chất thải (Waste Management). Đây là hướng tiếp cận mới phù hợp với xu thế phát triển xanh, nhấn mạnh mối liên hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế. Mô hình này khuyến khích việc thiết lập các chu trình khép kín trong sản xuất và tiêu dùng, qua đó giảm áp lực tài nguyên và ô nhiễm môi trường – đặc biệt quan trọng tại các khu vực biên giới vốn thường bị bỏ qua trong quy hoạch môi trường quốc gia.

Tổng thể, ba mô hình trên không tồn tại độc lập mà có thể bổ trợ lẫn nhau nếu được vận dụng một cách linh hoạt. Việc kết hợp giữa mục tiêu tăng trưởng nhanh (BEZs), liên kết khu vực (CBEC) và phát triển bền vững (Circular Economy) sẽ tạo nên một cấu trúc kinh tế biên giới toàn diện, thích ứng tốt với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đặc biệt là những tỉnh có vị trí chiến lược như Hà Giang – nơi vừa cần phát triển kinh tế, vừa cần đảm bảo ổn định xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

1.3. Khái niệm, đặc trưng của hệ thống cửa khẩu, biên mậu

1.3.1. Các khái niệm có liên quan

Hệ thống cửa khẩu là các điểm giao thương chính thức giữa hai quốc gia, nơi diễn ra các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh con người và phương tiện theo quy định pháp luật của mỗi nước²¹. Cửa khẩu có thể là cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia hoặc cửa khẩu phụ, tùy vào quy mô và mức độ quan trọng của chúng trong giao thương biên giới²².

Biên mậu, hay thương mại biên giới, là hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các chủ thể (doanh nghiệp, cá nhân) của hai quốc gia có chung biên giới, thông qua các cửa khẩu. Đây là một hình thức thương mại quốc tế đặc biệt, khác với thương mại thông thường ở chỗ nó thường diễn ra trong phạm vi khu vực biên giới và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách song phương giữa hai nước. Biên mậu bao gồm cả hoạt động chính ngạch (thông qua hợp đồng, chứng từ đầy đủ) và tiểu ngạch (giao dịch nhỏ lẻ, thường không cần hợp đồng). Biên mậu cũng có thể được hiểu là hình thức thương mại qua biên giới giữa cư dân hai nước có chung đường biên giới, thường được thực hiện thông qua các cửa khẩu phụ hoặc lối mở biên giới²³. Hoạt động biên mậu có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế vùng biên, tạo cơ hội việc làm cho người dân địa phương và thúc đẩy giao thương giữa hai quốc gia.

Hệ thống cửa khẩu và biên mậu có mối quan hệ chặt chẽ: cửa khẩu là cơ sở hạ tầng vật lý và pháp lý để thực hiện các hoạt động biên mậu, trong khi biên mậu là động lực thúc đẩy sự phát triển và vận hành của hệ thống cửa khẩu.

²¹ Nguyễn, H. (2020). *Hệ thống cửa khẩu Việt Nam: Hiện trạng và giải pháp phát triển*. Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 295, 15-28.

²² World Bank. (2019). *Trade Facilitation and Border Efficiency in Emerging Economies*. The World Bank.

²³ Liu, Y., & Wang, H. (2021). *Border Trade and Socioeconomic Development in China-Vietnam Border Regions*. Journal of Asian Studies, 80(3), 435-459.

1.3.2. Đặc trưng của hệ thống cửa khẩu và biên mậu

Hệ thống cửa khẩu và hoạt động biên mậu mang những đặc trưng riêng biệt, phản ánh tính chất địa lý, kinh tế và chính trị của khu vực biên giới.

Thứ nhất, tính địa lý và vị trí chiến lược. Hệ thống cửa khẩu thường được đặt tại các điểm giao thoa tự nhiên (sông, núi, đường bộ) hoặc các khu vực có tiềm năng kinh tế cao. Vị trí của cửa khẩu quyết định quy mô và hiệu quả của hoạt động biên mậu. Ví dụ, các cửa khẩu quốc tế như Hữu Nghị (Việt Nam - Trung Quốc) hay Mộc Bài (Việt Nam - Campuchia) nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương.

Thứ hai, tính song phương và phụ thuộc chính sách. Hoạt động biên mậu và hệ thống cửa khẩu chịu sự chi phối mạnh mẽ từ các hiệp định song phương giữa hai quốc gia. Các quy định về thuế, kiểm dịch, tiền tệ thanh toán và thủ tục hải quan thường được hai bên thỏa thuận, dẫn đến tính phụ thuộc lẫn nhau. Sự thay đổi chính sách từ một phía có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cửa khẩu và biên mậu, như việc Trung Quốc siết chặt kiểm soát biên giới trong đại dịch COVID-19 đã gây ùn tắc hàng hóa tại các cửa khẩu Việt Nam.

Thứ ba, tính đa dạng trong quy mô và hình thức. Hệ thống cửa khẩu, biên mậu không đồng nhất về quy mô và chức năng. Các cửa khẩu quốc tế thường có cơ sở hạ tầng hiện đại, phục vụ giao thương lớn, trong khi các cửa khẩu phụ và lối mở chủ yếu phục vụ cư dân biên giới với các giao dịch tiểu ngạch. Hình thức thanh toán trong biên mậu cũng đa dạng, từ tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng đến hàng đổi hàng, tùy thuộc vào thỏa thuận giữa các bên.

Thứ tư, tính linh hoạt và rủi ro cao. Do đặc thù của khu vực biên giới, hoạt động biên mậu thường mang tính linh hoạt cao, với thủ tục đơn giản hơn so với thương mại quốc tế thông thường. Tuy nhiên, điều này cũng đi kèm với rủi ro lớn, như ùn tắc hàng hóa, biến động chính sách, hoặc sự thiếu ổn định trong kim

ngạch thương mại (ví dụ: nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc qua cửa khẩu phụ thường bị ép giá hoặc đình trệ khi có thay đổi kiểm soát).

Thứ năm, tính kết nối kinh tế - xã hội. Hệ thống cửa khẩu và biên mậu không chỉ phục vụ mục đích kinh tế mà còn góp phần gắn kết cộng đồng hai bên biên giới. Các hoạt động trao đổi hàng hóa, dịch vụ tạo việc làm, giảm nghèo và thúc đẩy giao lưu văn hóa, đặc biệt tại các khu vực dân cư biên giới.

Nhìn chung, hệ thống cửa khẩu và biên mậu là một cấu trúc kinh tế - xã hội đặc thù, phản ánh sự giao thoa giữa các yếu tố địa lý, chính trị và kinh tế tại khu vực biên giới. Với các đặc trưng như tính chiến lược, song phương, đa dạng, linh hoạt và kết nối, hệ thống này không chỉ là công cụ thúc đẩy thương mại mà còn là cầu nối phát triển toàn diện giữa các quốc gia. Tại Việt Nam, việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đơn giản hóa thủ tục và đa dạng hóa thị trường sẽ giúp hệ thống cửa khẩu, biên mậu phát huy tối đa tiềm năng, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

1.4. Nội dung phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu

1.4.1. Phát triển hạ tầng và hiện đại hóa công nghệ

Phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu không chỉ là một yêu cầu cấp thiết mà còn là động lực quan trọng để thúc đẩy giao thương quốc tế và nâng cao năng lực kinh tế của các khu vực biên giới. Để đạt được mục tiêu này, cần có sự đầu tư đồng bộ và chiến lược vào cơ sở hạ tầng giao thông, hệ thống logistics hiện đại và quá trình số hóa trong quản lý biên giới. Cơ sở hạ tầng giao thông tốt, bao gồm đường bộ, đường sắt và cảng kết nối hiệu quả, đóng vai trò nền tảng trong việc đảm bảo luồng hàng hóa được vận chuyển nhanh chóng và thông suốt. Đồng thời, việc phát triển các trung tâm logistics tiên tiến tại khu vực cửa khẩu giúp tăng khả năng lưu kho, phân phối và xử lý hàng hóa, từ đó giảm thiểu tình trạng ùn tắc và chi phí vận hành không cần thiết.

Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng một hệ thống cửa khẩu hiện đại mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và quy trình tại các cửa khẩu có thể giảm đáng kể thời gian

thông quan, từ đó tối ưu hóa chuỗi cung ứng và tăng cường hiệu suất thương mại xuyên biên giới²⁴. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu mà còn góp phần cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội tại các địa phương lân cận cửa khẩu. Những khu vực này, vốn thường bị xem là kém phát triển, có thể tận dụng lợi thế từ hoạt động thương mại gia tăng để thúc đẩy việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

Một yếu tố then chốt trong quá trình hiện đại hóa hệ thống cửa khẩu là việc áp dụng công nghệ số. Các giải pháp như hệ thống kiểm soát hải quan điện tử, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (big data) đã chứng minh được hiệu quả trong việc tối ưu hóa luồng hàng hóa. Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á, công nghệ số không chỉ giúp rút ngắn thời gian xử lý thủ tục mà còn nâng cao tính minh bạch trong quản lý biên giới²⁵. Chẳng hạn, việc triển khai các hệ thống khai báo hải quan trực tuyến cho phép doanh nghiệp nộp hồ sơ từ xa, giảm thiểu sự phụ thuộc vào giấy tờ thủ công và hạn chế nguy cơ sai sót. Hơn nữa, AI có thể được sử dụng để phân tích dữ liệu, dự đoán các rủi ro như buôn lậu hoặc gian lận thương mại, từ đó hỗ trợ cơ quan chức năng kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động phi pháp mà không làm gián đoạn luồng hàng hóa hợp pháp.

Tuy nhiên, để phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, không thể chỉ dừng lại ở việc đầu tư công nghệ và cơ sở hạ tầng. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, bao gồm chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Chính phủ cần xây dựng các chính sách ưu đãi, chẳng hạn như giảm thuế hoặc hỗ trợ tài chính cho các dự án nâng cấp cửa khẩu, nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân. Đồng thời, việc đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng vận hành các công nghệ mới cũng là yếu tố không thể thiếu để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả và bền vững trong dài hạn. Khi tất cả các yếu tố này được kết hợp một cách hài hòa, hệ thống cửa khẩu không chỉ trở thành cầu nối thương mại mà

²⁴ World Bank. (2021). *Trade Facilitation and Digital Border Management*. The World Bank.

²⁵ ADB. (2022). *Regional Trade Agreements and Sustainable Border Development*. Asian Development Bank.

còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế toàn diện, góp phần nâng cao vị thế của quốc gia trong khu vực và trên trường quốc tế.

1.4.2. Hợp tác thương mại và chính sách linh hoạt

Sự hợp tác giữa các quốc gia thông qua các hiệp định thương mại biên giới đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển bền vững của hệ thống cửa khẩu, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho giao thương quốc tế. Theo nghiên cứu của học giả X. Li, các hiệp định này không chỉ đơn thuần là công cụ pháp lý mà còn là cầu nối giúp các quốc gia tăng cường sự phối hợp trong quản lý biên giới và tối ưu hóa hoạt động thương mại²⁶. Cụ thể, việc ký kết các hiệp định song phương và đa phương giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt các rào cản thuế quan và phi thuế quan, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa qua biên giới. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp mà còn góp phần xây dựng một môi trường thương mại ổn định, minh bạch và hiệu quả hơn giữa các bên tham gia.

Hơn nữa, các hiệp định thương mại biên giới còn giúp nâng cao khả năng thích ứng của hệ thống cửa khẩu trước những biến động khó lường của thị trường toàn cầu. Trong bối cảnh kinh tế thế giới thường xuyên chịu tác động từ các yếu tố như khủng hoảng tài chính, dịch bệnh hay thay đổi chính sách thương mại, sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia là yếu tố sống còn để duy trì sự liên tục của chuỗi cung ứng.²⁷ Ví dụ, khi một quốc gia đối mặt với tình trạng gián đoạn thương mại do thiên tai hoặc bất ổn chính trị, các hiệp định có thể cung cấp cơ chế hỗ trợ lẫn nhau, chẳng hạn như tạm thời miễn giảm thuế hoặc mở rộng hạn ngạch nhập khẩu. Nhờ đó, hệ thống cửa khẩu không chỉ duy trì được hoạt động mà còn trở thành công cụ chiến lược giúp các quốc gia đối phó hiệu quả với những thách thức kinh tế toàn cầu.

²⁶ Li, X. (2020). *Cross-border Trade and Economic Growth in East Asia*. Springer.

²⁷ Nguyễn, M. T., & Hoàng, T. L. (2021). *Phát triển kinh tế biên mậu Việt Nam: Thực trạng và định hướng*. NXB Chính trị Quốc gia.

Tuy nhiên, để các hiệp định này phát huy tối đa hiệu quả, các chính sách thương mại cần được thiết kế linh hoạt nhằm cân bằng lợi ích của tất cả các bên liên quan và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững tại các vùng biên giới. Một chính sách cứng nhắc hoặc thiên về lợi ích của một bên có thể dẫn đến sự bất mãn, làm suy yếu sự hợp tác lâu dài. Thay vào đó, các quốc gia cần xây dựng cơ chế điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, chẳng hạn như tổ chức các phiên đàm phán định kỳ để cập nhật điều khoản hoặc đưa ra các chính sách ưu đãi đặc thù cho các khu vực biên giới kém phát triển. Điều này không chỉ đảm bảo sự công bằng mà còn tạo động lực để các địa phương vùng biên tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế, từ đó nâng cao đời sống người dân và giảm khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong cùng một quốc gia.

Tóm lại, sự hợp tác thông qua các hiệp định thương mại biên giới không chỉ là giải pháp thúc đẩy hiệu quả hoạt động của hệ thống cửa khẩu mà còn là chiến lược dài hạn để phát triển kinh tế bền vững. Khi các quốc gia cùng cam kết xây dựng một môi trường thương mại cởi mở, linh hoạt và công bằng, hệ thống cửa khẩu sẽ trở thành động lực quan trọng, không chỉ kết nối các nền kinh tế mà còn góp phần tăng cường sự ổn định và thịnh vượng trong khu vực. Để đạt được điều này, cần có sự đồng lòng từ các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, biến các hiệp định từ lời cam kết trên giấy thành những hành động thiết thực mang lại lợi ích lâu dài.

1.4.3. Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững

Việc phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu tại các khu vực biên giới không chỉ đơn thuần là một nhiệm vụ kinh tế nhằm thúc đẩy thương mại mà còn là một trách nhiệm lớn lao trong việc bảo vệ môi trường và duy trì sự cân bằng của hệ sinh thái tự nhiên. Những hoạt động thương mại biên mậu, với sự gia tăng không ngừng của lưu lượng hàng hóa và phương tiện qua lại, thường kéo theo nhiều hệ lụy tiêu cực đối với môi trường nếu không được quản lý một cách khoa học và hiệu quả. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bền vững, các chính sách và chiến lược

tại đây cần đặt trọng tâm vào việc giảm thiểu tối đa những tác động bất lợi lên môi trường, đặc biệt trong các khía cạnh quan trọng như kiểm soát ô nhiễm không khí, quản lý chất thải và bảo vệ hệ sinh thái đặc thù của vùng biên giới. Theo Smith, đây không chỉ là một yêu cầu cấp thiết để duy trì chất lượng cuộc sống của cư dân địa phương mà còn là yếu tố then chốt để đảm bảo rằng các hoạt động kinh tế không làm tổn hại đến tài nguyên thiên nhiên trong dài hạn²⁸.

Một trong những vấn đề môi trường đáng lo ngại nhất tại các cửa khẩu biên giới là tình trạng ô nhiễm không khí, chủ yếu xuất phát từ khí thải của các phương tiện vận tải và hoạt động logistics. Để giải quyết vấn đề này, việc áp dụng các giải pháp công nghệ xanh là một hướng đi đầy triển vọng. Chẳng hạn, việc khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, như điện mặt trời hoặc điện gió, trong các hoạt động vận hành tại cửa khẩu có thể giảm đáng kể sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, từ đó cắt giảm lượng khí thải carbon phát sinh. Ngoài ra, các biện pháp kiểm soát khí thải phương tiện cũng cần được triển khai nghiêm ngặt hơn, chẳng hạn như yêu cầu các xe tải và xe container sử dụng nhiên liệu sạch hơn hoặc lắp đặt các thiết bị lọc khí thải hiện đại. Những giải pháp này không chỉ giúp cải thiện chất lượng không khí mà còn góp phần nâng cao hình ảnh của hệ thống cửa khẩu như một mô hình phát triển bền vững, thu hút sự quan tâm của các đối tác thương mại quốc tế.

Bên cạnh ô nhiễm không khí, vấn đề xử lý chất thải tại các khu vực cửa khẩu cũng đòi hỏi sự chú trọng đặc biệt. Lượng rác thải từ hoạt động thương mại, bao gồm bao bì hàng hóa, chất thải sinh hoạt của nhân viên và các phế liệu khác, nếu không được quản lý tốt, có thể gây ô nhiễm đất và nguồn nước, đe dọa trực tiếp đến hệ sinh thái khu vực biên giới. Để khắc phục, việc xây dựng một hệ thống xử lý chất thải hiện đại và hiệu quả là điều cần thiết. Các cơ sở này cần được trang bị công nghệ tiên tiến để phân loại, tái chế và xử lý rác thải một cách khoa học, giảm thiểu tối đa lượng chất thải phải chôn lấp hoặc thải ra môi trường. Việc đầu

²⁸ Smith, J. (2020). *Environmental Sustainability in Cross-border Trade*. Oxford University Press.

tư vào các hệ thống xử lý nước thải hiện đại cũng đóng vai trò quan trọng, đặc biệt tại các cửa khẩu có lưu lượng giao thương lớn, nơi nước thải từ các hoạt động logistics và sinh hoạt có thể gây ô nhiễm các con sông hoặc tầng nước ngầm nếu không được xử lý triệt để.

Hơn nữa, bảo vệ hệ sinh thái khu vực biên giới là một nhiệm vụ không thể xem nhẹ trong quá trình phát triển bền vững. Các vùng biên giới thường là nơi tập trung nhiều hệ sinh thái độc đáo, từ rừng tự nhiên, đất ngập nước cho đến các loài động thực vật quý hiếm. Hoạt động thương mại và xây dựng cơ sở hạ tầng nếu không được kiểm soát có thể dẫn đến suy thoái môi trường sống, làm mất cân bằng sinh thái và gây ảnh hưởng lâu dài đến đa dạng sinh học. Do đó, cần có các biện pháp cụ thể như quy hoạch không gian hợp lý, tránh xâm phạm các khu vực nhạy cảm về sinh thái, đồng thời triển khai các chương trình phục hồi môi trường như trồng rừng hoặc bảo tồn nguồn nước. Sự kết hợp giữa các giải pháp công nghệ và chính sách quản lý này sẽ giúp hệ thống cửa khẩu không chỉ phát triển về mặt kinh tế mà còn trở thành một mô hình tiêu biểu về bảo vệ môi trường.

Tóm lại, để phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, cần có một cách tiếp cận tổng hợp, trong đó việc giảm thiểu tác động môi trường được đặt lên hàng đầu. Từ việc sử dụng năng lượng tái tạo, kiểm soát khí thải, xây dựng hệ thống xử lý chất thải và nước thải hiện đại, cho đến bảo vệ hệ sinh thái khu vực, tất cả đều đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực từ hoạt động thương mại biên mậu mà còn góp phần xây dựng một tương lai bền vững, nơi kinh tế và môi trường cùng song hành phát triển.

1.4.4. Phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng dân cư biên giới

Cư dân sinh sống tại các khu vực biên giới, vốn là những người trực tiếp chịu ảnh hưởng từ các hoạt động thương mại biên mậu, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế và xã hội của vùng. Bởi lẽ họ không chỉ là nhân tố tham gia vào các giao dịch thương mại mà còn là đối tượng chịu tác động sâu sắc từ

những biến động kinh tế, xã hội và thậm chí cả văn hóa mà các hoạt động này mang lại. Chính vì vậy, việc thúc đẩy sự phát triển bền vững tại các khu vực này không chỉ dừng lại ở việc khai thác tiềm năng kinh tế mà còn cần phải đặt trọng tâm vào việc đảm bảo quyền lợi lâu dài cho cộng đồng địa phương. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, trong đó các chính sách và chiến lược phát triển phải hướng đến việc mang lại lợi ích thiết thực, không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt xã hội cho người dân sinh sống tại đây.

Một trong những phương pháp hiệu quả để đạt được mục tiêu này là tạo ra thêm nhiều cơ hội việc làm ổn định và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng biên giới. Việc làm không chỉ giúp người dân cải thiện thu nhập mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm bớt sự phụ thuộc vào các hoạt động kinh tế không bền vững hoặc bất hợp pháp đôi khi xuất hiện ở những khu vực nhạy cảm như biên giới. Đồng thời, việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa – vốn thường là xương sống của nền kinh tế địa phương – cũng là một hướng đi quan trọng. Các doanh nghiệp này có thể được khuyến khích phát triển thông qua các chính sách ưu đãi thuế, cung cấp vốn vay với lãi suất thấp hoặc tư vấn chiến lược kinh doanh, từ đó giúp họ cạnh tranh tốt hơn trong môi trường thương mại biên mậu vốn đầy thách thức. Theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới năm 2022, những nỗ lực như vậy không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần xây dựng một cộng đồng gắn kết và tự chủ hơn.

Ngoài ra, để đảm bảo sự phát triển bền vững, việc cải thiện hạ tầng xã hội như hệ thống y tế và giáo dục là yếu tố không thể thiếu. Một hệ thống y tế được nâng cấp sẽ giúp cư dân vùng biên tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng, giảm thiểu rủi ro từ các vấn đề sức khỏe có thể phát sinh do điều kiện sống khắc nghiệt hoặc sự giao thoa văn hóa, kinh tế qua biên giới. Tương tự, đầu tư vào giáo dục không chỉ trang bị kiến thức cơ bản mà còn mở ra cơ hội để thế hệ trẻ tại đây phát triển các kỹ năng cần thiết, từ đó tham gia tích cực hơn vào các

hoạt động kinh tế hiện đại. Những cải thiện này không chỉ nâng cao mức sống mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn của khu vực.

Hơn nữa, các chương trình đào tạo kỹ năng và hỗ trợ tài chính cũng đóng vai trò then chốt trong việc giúp người dân địa phương tận dụng tối đa những cơ hội mà thương mại biên giới mang lại. Chẳng hạn, các khóa đào tạo về kỹ năng thương mại, logistics hoặc quản lý tài chính có thể giúp họ thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh. Đồng thời, việc cung cấp các khoản vay nhỏ hoặc hỗ trợ tài chính khác sẽ tạo điều kiện để người dân khởi nghiệp hoặc mở rộng các hoạt động kinh doanh của mình một cách bền vững. Những sáng kiến như vậy không chỉ giúp cải thiện đời sống kinh tế mà còn góp phần xây dựng một cộng đồng có khả năng tự chủ, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài và hướng tới một tương lai phát triển bền vững hơn. Tóm lại, sự kết hợp giữa tạo việc làm, hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện hạ tầng và nâng cao năng lực cá nhân sẽ là chìa khóa để đảm bảo rằng cư dân vùng biên không chỉ là người thụ hưởng mà còn là nhân tố chủ động trong quá trình phát triển kinh tế biên mậu.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã trình bày tổng quan cơ sở lý luận về phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu, đồng thời tổng hợp các nghiên cứu liên quan nhằm làm rõ bản chất, đặc điểm và vai trò của hệ thống này trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới. Phát triển bền vững được xác định trên cơ sở ba trụ cột chính: kinh tế, xã hội và môi trường, với mục tiêu bảo đảm tăng trưởng kinh tế hài hòa với công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Báo cáo “Our Common Future” (WCED, 1987) đã đặt nền tảng lý luận quan trọng, giúp định hướng chiến lược phát triển bền vững trong nhiều lĩnh vực, trong đó có thương mại biên giới.

Hệ thống cửa khẩu và thương mại biên mậu có vai trò quan trọng trong thúc đẩy giao thương, tạo việc làm, phát triển hạ tầng và tăng cường hợp tác quốc tế. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng hệ thống cửa khẩu không chỉ đóng vai trò là điểm trung chuyển hàng hóa mà còn có ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội của cư dân vùng biên. Sự phát triển bền vững của hệ thống này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các yếu tố kinh tế, chính sách thương mại, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, chương 1 cũng làm rõ các lý thuyết phát triển bền vững liên quan đến hệ thống cửa khẩu, biên mậu, bao gồm lý thuyết hiện đại hóa, lý thuyết phụ thuộc và tiếp cận thể chế. Các mô hình phát triển bền vững cửa khẩu nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ, chính sách thương mại linh hoạt và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo hiệu quả lâu dài của thương mại biên giới.

CHƯƠNG 2 - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG CỬA KHẨU, BIÊN MẠU VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TẠI HÀ GIANG: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

2.1. Tổng quan về hệ thống cửa khẩu Hà Giang

2.1.1. Danh sách các cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ, lối mở.

Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy (Việt Nam) - Cửa khẩu Thiên Bảo (Trung Quốc)

Cửa khẩu Quốc tế được mở cho người, phương tiện của Việt Nam và nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh: hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là một trong những cửa khẩu quan trọng của Việt Nam, nằm ở xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (Việt Nam). Đây là cửa khẩu đường bộ trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, kết nối với cửa khẩu Thiên Bảo (Tianbao) của huyện Malypo, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Đây là tuyến giao thương quan trọng trong khu vực phía bắc Việt Nam, góp phần thúc đẩy, kinh tế, giao thương giữa hai nước. Tháng 12 năm 2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang phối hợp cùng Chính phủ Nhân dân tỉnh Vân Nam đã công bố quyết định của Thủ tướng về việc nâng cấp Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy - Thiên Bảo nâng cấp từ cửa khẩu Quốc gia lên cửa khẩu Quốc tế, đây không chỉ là sự kiện quan trọng đối với hai địa phương mà còn có ý nghĩa lớn trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Việc nâng cấp cửa khẩu sẽ góp phần tăng cường tình hữu nghị, thúc đẩy quan hệ hợp tác, đối tác chiến lược toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế giữa hai nước, đồng thời mở rộng hợp tác với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.



Hình 2.1. Trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Cửa khẩu song phương Xín Mần (Việt Nam) - Cửa khẩu Đồ Long (Trung Quốc)

Cửa khẩu Quốc gia (song phương) được mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

Huyện Xín Mần (Hà Giang) cách trung tâm thành phố 150km về phía Tây, có đường tiếp giáp biên giới hơn 30km với huyện Mã Quan và Châu Văn Sơn thuộc tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Huyện quản lý và bảo vệ 50 cột mốc biên giới cùng 1 cặp cửa khẩu (Xín Mần - Đồ Long), do có địa hình phức tạp và hiểm trở nên giao thông tại đây chưa phát triển, gây nên hạn chế cho việc giao thương, vận chuyển và lưu thông hàng hóa.

Cửa khẩu Xín Mần đã được công bố và cho vào hoạt động từ năm 2018 cho đến nay, tuy nhiên cửa khẩu chưa phát huy được hết tiềm năng, lợi thế của mình. Từ đầu năm 2020 đến đầu năm 2023, sau hơn 3 năm tạm dừng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động

xuất nhập cảnh, xuất - nhập khẩu hàng hóa dọc tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đến tháng 3 năm 2023 cặp cửa khẩu Xín Mần - Đô Long đã chính thức khôi phục thông quan. Quyết định này được đưa ra trong Hội đàm ngày 16 tháng 2 năm 2023 giữa Ban quản lý Khu kinh tế Hà Giang (Việt Nam) và Chính quyền nhân dân huyện Mã Quan (Trung Quốc) về việc khôi phục thông quan hàng hóa tại cửa khẩu song phương Xín Mần - Đô Long. Việc khôi phục thông quan này đánh dấu bước tiến trong quan hệ hữu nghị và hợp tác phát triển giữa hai nước, sự kiện không chỉ góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội giữa hai địa phương mà còn củng cố tình hữu nghị, mở ra cơ hội hợp tác bền vững trên các lĩnh vực khác.



Hình 2.2. Trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu Xín Mần

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Cửa khẩu song phương Săm Pun (Việt Nam) - Điện Bông (Trung Quốc)

Cửa khẩu song phương Săm Pun được xây dựng tại mốc 456, thuộc địa phận của thôn Mỏ Phàng, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc (Hà Giang). Tháng 10 năm 2023 Ủy ban Nhân dân huyện Mèo Vạc cùng với Chính quyền nhân dân

huyện Phú Ninh, Châu Vân Sơn (tỉnh Vân Nam - Trung Quốc) đã công bố chính thức mở cửa khẩu song phương Săm Pun - Điền Bồng²⁹. Với mong muốn mở ra nhiều cơ hội hợp tác, thúc đẩy giao lưu, hợp tác trên mọi lĩnh vực, góp phần củng cố tính hữu nghị, hợp tác giữa huyện Mèo Vạc với huyện Phú Ninh, cũng như sự hợp tác giữa tỉnh Hà Giang với tỉnh Vân Nam.



Hình 2.3. Lễ thông quan cửa khẩu Săm Pun - Điền Bồng³⁰

(Nguồn: Cổng thông tin Ủy ban Nhân dân huyện Mèo Vạc, Hà Giang)

Cửa khẩu phụ Phó Bảng (Việt Nam) - Cửa khẩu Đổng Cán (Trung Quốc)

Cửa khẩu phụ chỉ mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng thuộc tỉnh biên giới nơi có cửa khẩu xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu,....

29 Kế hoạch số 281/KH-UBND

³⁰ Lễ thông quan cửa khẩu Săm Pun, Việt Nam - Điền Bồng, Trung Quốc.(2023).
<https://meovac.hagiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/news/44733/le-thong-quan-cua-khau-song-phuong-sam-pun-viet-nam-dien-bong-trung-quoc.html>

Cửa khẩu Phó Bả nằm ở thị trấn Phó Bả, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang nối với Cửa khẩu Đồng Cản thuộc huyện Ma Ly Pho và huyện Phú Ninh, Châu Văn Sơn (Trung Quốc)

Với quy mô là chỉ phục vụ cho địa phương do đó mà hoạt động xuất nhập khẩu và giao lưu kinh tế, thương mại tại cửa khẩu Phó Bả còn nhiều hạn chế, hiện tại cửa khẩu chủ yếu làm thủ tục xuất nhập cảnh, xuất - nhập khẩu hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới. Hải quan cửa khẩu Phó Bả vừa thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát người và phương tiện xuất nhập cảnh, vừa đấu tranh chống buôn lậu và ngăn chặn vận chuyển trái phép hàng cấm qua biên giới. Bên cạnh công tác chuyên môn, lực lượng hải quan còn hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật, góp phần đảm bảo an ninh chính trị và giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

Hệ thống giao thông đi đến Phó Bả khá thuận lợi cho các phương tiện vừa và nhỏ. Tuy nhiên, phương tiện lớn như xe tải, container vẫn chưa thể tiếp cận khu vực này, nguyên nhân là do đường đèo với độ dốc cao và hẹp, địa hình cắt xẻ phức tạp do đó việc mở rộng hệ thống giao thông vẫn còn là một vấn đề nan giải.



Hình 2.4. Cửa khẩu phụ Phô Bông (Việt Nam) - Đồng Cản (Trung Quốc)

(Nguồn: Đài phát thanh truyền hình Hà Giang)

2.1.2. Vai trò của hệ thống cửa khẩu trong thương mại Việt - Trung.

Thứ nhất, thúc đẩy giao thương, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa. Cửa khẩu là địa điểm trung chuyển hàng hóa giữa Việt Nam và nước ngoài, giúp lưu thông các mặt hàng nông sản, thực phẩm, linh kiện điện tử, hàng tiêu dùng, nguyên liệu sản xuất... hỗ trợ việc thông quan dễ dàng hơn, giúp các doanh nghiệp, người dân thuận lợi khi xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài. Việc triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi sẽ thu hút sự quan tâm và đầu tư từ các doanh nghiệp hai bên, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ. Điều này thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa, tạo động lực phát triển cho các khu vực, hình thành thị trường rộng lớn có khả năng hội nhập và kết nối với các khu vực khác. Sự phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu cũng mang lại nhiều cơ hội việc làm không chỉ cho lao động tại khu vực cửa khẩu mà còn mở rộng ra các vùng lân cận. Hoạt động thương mại qua các khu kinh tế cửa khẩu ngày càng gia tăng, góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước. Ngoài ra, đây cũng chính là địa điểm kiểm tra, kiểm soát những hàng hóa nhập khẩu vào trong nước, nhằm đảm bảo an ninh, an toàn cho

người dân. Các cửa khẩu biên giới giúp Việt Nam tiếp cận thị trường rộng lớn của Trung Quốc và ngược lại, Trung Quốc là thị trường tiêu thụ lớn đối với nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam như thanh long, sầu riêng, xoài, mít và cao su.... Khi hoạt động xuất khẩu qua cửa khẩu diễn ra thuận lợi, giá cả nông sản trong nước ổn định, nông dân có đầu ra vững chắc, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống. Theo thống kê, thương mại qua biên giới chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch thương mại hai nước, đặc biệt với các mặt hàng nông sản như thanh long, xoài, mít, sầu riêng, cao su... Không thể phủ nhận tầm quan trọng của hệ thống cửa khẩu trong thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc. Năm 2016, kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung chiếm 84,2% tổng kim ngạch biên mậu của Việt Nam, mà kim ngạch xuất nhập khẩu đối với quốc gia biên giới khác như Lào chỉ chiếm 4,2%, Campuchia chiếm 11,6%. Năm 2018, kim ngạch thương mại biên giới Việt - Trung đạt 25,636 tỷ USD³¹. Tổng giá trị hàng hóa tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong 10 năm trở lại đây tăng trưởng trung bình khoảng 32%, theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 205,2 tỷ USD, lần đầu tiên vượt mốc 200 tỷ USD. Tuy nhiên, giá trị này phần lớn tập trung tại các cửa khẩu thuộc tỉnh Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ninh. Qua đó ta thấy rằng Hà Giang cần nỗ lực hơn nữa trong việc phát triển hệ thống cửa khẩu trong tương lai, từ đó có thể phát huy hết được vai trò, thế mạnh của cửa khẩu tại địa phương.

Thứ hai, phát triển kinh tế. Nhờ hoạt động thương mại qua cửa khẩu, một số khu vực biên giới như Lạng Sơn, Lào Cai, Quang Ninh phát triển mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng, dịch vụ kho bãi - logistics, vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa,... góp phần nâng cao đời sống kinh tế - xã hội cho nhân dân, hình thành các khu kinh tế cửa khẩu vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Việc đầu tư mạnh vào hạ tầng logistics, kho bãi và hệ thống giao thông kết nối, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thu nhập ổn định cho người dân tại địa phương. Khi người dân có

³¹ Thu, N. A., Phương, N. T. M., Hà, N. T. V., & Nghiêm, B. B. (2020). Thương mại biên giới của Việt Nam, Thực trạng và một số vấn đề đặt ra. *Bản B của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 62(4).

việc làm, điều này đồng nghĩa với việc giảm tỷ lệ nghèo đói tại địa phương, phát triển nền kinh tế địa phương. Qua đó, người nông dân, đặc biệt là các xã, huyện vùng biên giới, vùng kinh tế khó khăn có cơ hội tiếp cận và sử dụng các thiết bị, vật tư, giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao để nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất. Tóm lại, Sự phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu giúp mở rộng ngành nghề sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần cải thiện đời sống và giảm nghèo bền vững.

Thứ ba, quản lý và kiểm soát chất lượng hàng hóa xuất - nhập khẩu. Cửa khẩu giúp kiểm soát chặt chẽ hàng hóa xuất nhập khẩu, ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng. Hàng năm, lực lượng hải quan tại các cửa khẩu thường xuyên phát hiện và xử lý các vụ buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và hàng kém chất lượng. Việc kiểm dịch nghiêm ngặt tại cửa khẩu giúp bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thứ tư, tăng cường quan hệ hợp tác Việt - Trung. Cửa khẩu đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa hai nền kinh tế, giúp Việt Nam tận dụng được lợi thế địa lý để hội nhập vào chuỗi cung ứng khu vực (cửa khẩu Quốc tế). Ngoài ra, việc hợp tác quản lý cửa khẩu giúp hai nước tăng cường quan hệ thương mại bền vững và giảm rủi ro về chính sách. Ngoài ra, hệ thống cửa khẩu còn giúp thúc đẩy du lịch và giao lưu văn hóa giữa nhân dân hai nước. Việc đi lại thuận lợi qua các cửa khẩu giúp gia tăng lượng khách du lịch, mở ra cơ hội hợp tác du lịch biên giới. Hệ thống cửa khẩu đều có mối liên hệ với các khu du lịch nổi tiếng của Hà Giang như Đồng Văn được kết nối thông qua cửa khẩu phụ Phó Bảng, Hoàng Su Phì được kết nối với Trung Quốc thông qua cửa khẩu song phương Xín Mần....

Bên cạnh đó, sự phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu còn tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung dọc biên giới, thúc đẩy giao lưu kinh tế - văn hóa, tăng cường an ninh – quốc phòng khu vực biên giới. Điều này không chỉ thắt chặt quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia mà còn tạo động lực cho hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện.

2.2. Thực trạng phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu VN -TQ ở tỉnh Hà Giang

2.2.1. Kim ngạch thương mại, cơ cấu hàng hóa xuất - nhập khẩu.

Trong bối cảnh có cả thuận lợi và thách thức, Cục Hải quan tỉnh Hà Giang đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu (XNK), đảm bảo thông quan hàng hóa nhanh chóng, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về hải quan. Đồng thời, công tác quản lý thu ngân sách nhà nước (NSNN) được thực hiện quyết liệt nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và UBND tỉnh Hà Giang giao, đặc biệt thông qua việc áp dụng các giải pháp từ Chỉ thị số 479 của Tổng cục Hải quan. Tính đến ngày 12 tháng 11 năm 2023, tổng kim ngạch XNK trên địa bàn tỉnh Hà Giang đạt 261,5 triệu USD, tăng 367,8%³² so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu kinh doanh đạt 149,4 triệu USD, nhập khẩu kinh doanh đạt 60,3 triệu USD, các loại hình XNK khác đạt 51,8 triệu USD và hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới đạt 26.471 USD³³. Bên cạnh đó, số thu NSNN đạt 122,7 tỷ đồng, tăng 56,1% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu mà Cục Thống kê tỉnh Hà Giang công bố tại Hợp báo công bố số liệu thống kê Kinh tế - Xã hội năm 2024 được tổ chức vào ngày 06 tháng 1 năm 2025. Trong năm 2024 kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh ước tính đạt 280,5 triệu USD³⁴, giảm 0,18% so với năm 2023 (261,5 triệu USD)³⁵. Hoạt động xuất nhập khẩu tại Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy được thực hiện theo thông lệ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, với mong muốn đẩy mạnh hoạt động xuất nhập - khẩu đi qua các khu vực này. Trong những năm gần đây, Hà Giang đã chủ động ban hành, triển khai nhiều kế hoạch, đề án nhằm

³² Hà Giang: Hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng trưởng mạnh. (2023). Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang.

³³ Hà Giang: Hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng trưởng mạnh. (2023). Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang.

³⁴ Hoàng Đình Khánh. (2025). Cục Thống kê tỉnh Hà Giang.

³⁵ Hồng Minh, (2023), Hà Giang: Hoạt động xuất nhập khẩu 2023 tăng trưởng mạnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang

khuyến khích phát triển kinh tế và thu hút đầu tư phát triển thương mại biên giới và đạt được những thành quả nhất định. Tính đến tháng 9 năm 2024, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa của tỉnh Hà Giang đạt 244,946 triệu USD, đạt 79,52% so với kế hoạch đã đề ra năm 2024, trong đó xuất khẩu đạt 110,19 triệu USD (tăng 0,7% so với cùng kỳ), nhập khẩu giảm 35,24 triệu USD³⁶ (giảm 20% so với cùng kỳ). Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu có thể kể đến như chè (chè vàng, chè xanh, chè đen khô), hoa quả (thanh long, chuối, sầu riêng, vải,...) ván bóc, hạt tiêu đen, ớt khô, nhôm hợp kim, dây nhôm,...và đặc biệt là xuất khẩu Quặng Antimon, năng lượng điện. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là thiết bị thủy điện, than cốc, ô tô, máy móc công nghiệp, máy móc nông nghiệp, ... Hà Giang tăng cường trao đổi, triển khai thực hiện các chính sách biên mậu, chính sách xuất - nhập khẩu, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thông quan bằng việc hỗ trợ giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình làm thủ tục thông quan, xuất nhập cảnh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và đẩy mạnh nhân dân hai nước giao lưu, hợp tác. Địa phương tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tham gia xúc tiến thương mại, kết nối với các tham tán thương mại nhằm mở rộng và tìm kiếm thị trường tiêu thụ, đồng thời duy trì và phát triển các thị trường trọng điểm. Hoạt động xuất nhập cảnh (XNC) qua Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy đã có những biến chuyển tích cực sau thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Từ ngày 20/2/2023, khi Trung Quốc nối lại các hoạt động XNC, lưu lượng người qua lại cửa khẩu đã tăng dần. Trong những ngày nghỉ lễ 2/9/2023, trung bình mỗi ngày có khoảng 200 lượt hành khách xuất cảnh và 100 lượt người nhập cảnh. Các ngày lễ, tết lực lượng chức năng sẽ bố trí lực lượng trực tết nhằm đảm bảo hoạt động thương mại và xuất nhập cảnh của người dân vẫn diễn ra ổn định. Các biện pháp kiểm soát buôn lậu và vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới được thực hiện chặt chẽ, không phát sinh điểm nóng về buôn lậu. Đồng thời, công tác cải cách thủ tục hành

³⁶ Hà Giang: Nỗ lực thu hút đầu tư phát triển thương mại biên giới. (2024). Báo Công Thương.

chính được đẩy mạnh với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, triển khai thanh toán và nộp thuế điện tử qua hệ thống ngân hàng nhằm giảm chi phí và thời gian thông quan.

Trong công tác giám sát và quản lý hải quan, Cục Hải quan tỉnh Hà Giang đã chỉ đạo triển khai các biện pháp kiểm soát như quản lý khai báo tờ khai xuất khẩu, kiểm tra hàng hóa chuyển cửa khẩu bằng máy soi container, giám sát chặt chẽ mặt hàng thép nhập khẩu, khoáng sản xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập tái xuất. Đặc biệt, sự phối hợp với cơ quan chức năng tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) thông qua các cuộc hội đàm đã góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại, đảm bảo hoạt động XNK diễn ra an toàn và hiệu quả.

Công tác quản lý thuế cũng được thực hiện đồng bộ với các giải pháp tạo thuận lợi thương mại và chống thất thu ngân sách. Tổng số thu NSNN trên địa bàn đạt 153,4% so với chỉ tiêu Tổng cục Hải quan giao và 136,3% so với chỉ tiêu UBND tỉnh Hà Giang giao. Dự kiến đến ngày 31/12/2023, tổng thu NSNN đạt 130 tỷ đồng. Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tăng cường, đặc biệt trong việc kiểm soát nhóm hàng hóa cấm và hàng hóa ảnh hưởng đến an ninh trật tự.

2.2.2. Các doanh nghiệp và đối tác chính tham gia hoạt động biên mậu.

Hoạt động biên mậu (thương mại biên giới) liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia vào quá trình mua bán, vận chuyển hàng hóa qua biên giới giữa các quốc gia. Các doanh nghiệp và đối tác chính tham gia hoạt động biên mậu thường bao gồm:

Thứ nhất, Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Được coi là thành phần đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động biên mậu. Đây có thể là các công ty sản xuất muốn đưa sản phẩm ra thị trường quốc tế, hoặc doanh nghiệp thương mại chuyên thu mua và phân phối hàng hóa qua biên giới. Ngoài ra, các hợp tác xã và hộ kinh

doanh cá thể tại khu vực biên giới cũng tham gia tích cực, đặc biệt là trong lĩnh vực nông sản, thủy sản và hàng tiêu dùng.

Thứ hai, doanh nghiệp, đối tác nước ngoài: Bên cạnh các doanh nghiệp trong nước, hoạt động biên mậu còn có sự tham gia của các đối tác thương mại quốc tế. Thương nhân và doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt từ các quốc gia có chung đường biên giới như Trung Quốc, Lào, Campuchia, thường xuyên nhập khẩu và phân phối hàng hóa từ Việt Nam. Ngoài ra, các đại lý và nhà phân phối trung gian, thương nhân biên giới là những đơn vị trực tiếp thu mua hoặc nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam. Các đối tác này đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm, kết nối hàng hóa từ nhà cung cấp đến tay người tiêu dùng, đảm bảo đầu ra ổn định cho doanh nghiệp trong nước, kết nối hàng hóa từ nhà cung cấp đến tay người tiêu dùng.

Thứ ba, Doanh nghiệp vận tải, logistics: Đóng vai trò hỗ trợ quá trình vận chuyển hàng hóa qua biên giới. Các công ty vận tải đường bộ, đường thủy và đường sắt đảm bảo hàng hóa được lưu thông thuận lợi. Bên cạnh đó, các đơn vị cung cấp dịch vụ kho bãi, lưu trữ và khai báo hải quan cũng góp phần tối ưu hóa quy trình xuất nhập khẩu. Đây là một trong những yếu tố quyết định đến việc cửa khẩu đó có phát triển không. Kho bãi, lưu trữ càng lớn, vận chuyển thuận lợi sẽ tạo điều kiện để thu hút những doanh nghiệp muốn xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm.

Thứ tư, các cơ quan quản lý của nhà nước, lực lượng quản lý, đảm bảo an ninh cửa khẩu biên giới. Hoạt động biên mậu không thể thiếu sự quản lý của các cơ quan nhà nước. Hải quan giữ nhiệm vụ kiểm tra hàng hóa, thu thuế và đảm bảo tuân thủ các quy định về xuất nhập khẩu. Lực lượng biên phòng chịu trách nhiệm giám sát an ninh khu vực biên giới, ngăn chặn các hoạt động phi pháp. Ngân hàng Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong hoạt động biên mậu bằng cách quản lý chính sách tiền tệ, điều tiết tỷ giá và đảm bảo thanh toán thuận lợi. Cơ quan này giám sát hệ thống ngân hàng thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, bảo lãnh thanh toán và vay vốn. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước

kiểm soát dòng tiền, ngăn chặn gian lận tài chính và thúc đẩy thanh toán bằng đồng nội tệ giữa các nước có chung biên giới. Ngoài ra, cơ quan này phối hợp với các bộ, ngành để triển khai chính sách hỗ trợ thương mại biên giới, giúp doanh nghiệp giao thương hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, Sở Công Thương và Bộ Công Thương điều phối chính sách, cấp phép hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương mại biên giới. Ngoài ra, các cơ quan kiểm dịch và an toàn thực phẩm cũng tham gia kiểm tra chất lượng hàng hóa, đặc biệt là nông sản và thực phẩm, nhằm đảm bảo tiêu chuẩn trước khi đưa vào thị trường nước ngoài.

Thứ năm, các hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức hỗ trợ thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động biên mậu. Các hiệp hội này giúp kết nối doanh nghiệp, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại và hỗ trợ giải quyết khó khăn trong quá trình giao thương. Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính và ngân hàng cũng cung cấp các dịch vụ thanh toán, tín dụng và bảo lãnh thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới.

2.2.3. Cơ sở hạ tầng và điều kiện logistics tại khu vực cửa khẩu.

Về cơ sở hạ tầng:

Thứ nhất, trạm kiểm soát liên ngành Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy được khởi công xây dựng vào năm 2007, đã hoàn thành vào năm 2008 và được đưa vào sử dụng đầu năm 2009. Trạm kiểm soát liên ngành tại cửa khẩu Thanh Thủy đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý biên giới, thúc đẩy thương mại và bảo đảm an ninh khu vực. Trạm có nhiệm vụ kiểm soát xuất nhập cảnh, giám sát giấy tờ của người dân, du khách và doanh nghiệp khi qua lại biên giới, đảm bảo mọi hoạt động diễn ra hợp pháp và đúng quy định. Đồng thời, trạm kiểm soát cũng quản lý chặt chẽ hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp làm thủ tục hải quan, kiểm tra chất lượng hàng hóa và ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại. Ngoài ra, lực lượng chức năng tại đây còn phối hợp để duy trì an ninh trật

tự, phòng chống tội phạm xuyên biên giới như vận chuyển hàng cấm, ma túy, vũ khí trái phép. Bên cạnh đó, trạm kiểm soát cũng thực hiện nhiệm vụ kiểm dịch y tế, kiểm tra động thực vật nhằm ngăn ngừa dịch bệnh từ nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam.

Thứ hai, khu vực kho bãi, logistics. Khu vực cửa khẩu có hệ thống kho bãi rộng lớn, bao gồm kho ngoại quan, kho bảo thuế và kho lạnh, giúp bảo quản hàng hóa trước khi thông quan. Bên cạnh đó, bến bãi tập kết hàng hóa được quy hoạch hợp lý với khu vực đỗ xe container và xe tải, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bốc dỡ và vận chuyển. Hệ thống logistics tại đây cũng khá phát triển, với các tuyến đường vận tải kết nối quốc lộ 2 và các tỉnh lân cận, giúp hàng hóa lưu thông nhanh chóng giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tuy nhiên, hệ thống kho bãi vẫn còn một số hạn chế như diện tích chưa được mở rộng kịp thời theo nhu cầu thực tế, hạ tầng chưa thực sự đáp ứng tốt vào mùa cao điểm xuất nhập khẩu.

Thứ ba, trung tâm giao dịch thương mại, chợ biên giới được mở ra nhằm phục vụ hoạt động buôn bán giữa hai nước, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của doanh nghiệp và cư dân biên giới. Các chợ biên giới tại đây là điểm trung chuyển quan trọng, giúp tiêu thụ nông sản, lâm sản của Việt Nam và nhập khẩu hàng tiêu dùng, máy móc từ Trung Quốc.

Về hạ tầng giao thông:

Giao thông tại cửa khẩu Thanh Thủy đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối Việt Nam với Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và giao thương biên giới. Cửa khẩu được kết nối với quốc lộ 2 – tuyến đường huyết mạch nối thành phố Hà Giang với các tỉnh miền Bắc, giúp việc vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu đến các trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam diễn ra thuận lợi hơn. Tuy nhiên, các tuyến đường vẫn cần được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu giao thương ngày càng lớn, đặc biệt là trong mùa cao điểm xuất nhập khẩu.

2.2.4. Chính sách quản lý cửa khẩu và biên mậu

Khuyến khích đầu tư và phát triển hạ tầng.

Năm 2015, Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Nghị quyết số 206/2015/NQ-HĐND, đưa ra các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất cho các nhà đầu tư xây dựng chợ biên giới, kho ngoại quan và cơ sở chế biến hàng xuất khẩu. Điều này nhằm thu hút đầu tư và nâng cao cơ sở hạ tầng tại khu vực biên giới:

Thứ nhất, ưu đãi về tiền thuê đất, mặt bằng. Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài khi tham gia đầu tư xây dựng các hạng mục như chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, kho ngoại quan, kho bãi lưu giữ hàng hóa, cơ sở chế biến gia công hàng xuất khẩu sẽ được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất theo mức cao nhất do nhà nước quy định. Thời gian thuê đất được quy định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định giao đất, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi hết hạn, nếu nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục sử dụng và tuân thủ quy định pháp luật, nhà nước sẽ xem xét gia hạn. Các nhà đầu tư xây dựng chợ biên giới, chợ cửa khẩu, kho ngoại quan, kho bãi lưu giữ hàng hóa, cơ sở chế biến gia công hàng xuất khẩu sẽ được giao mặt bằng sạch. Ngoài ra, nhà đầu tư đạt yêu cầu về hồ sơ thiết kế và quyết toán được phê duyệt sẽ nhận hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay để xây dựng hạ tầng giao thông, điện, nước với giới hạn về số tiền và thời gian hỗ trợ theo quy định. Hỗ trợ thuê mặt bằng kinh doanh đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh cố định tối thiểu 1 năm và kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước sẽ được hỗ trợ 50-70% giá thuê mặt bằng tại các khu vực quy định, với thời gian hỗ trợ tối đa 24 tháng.

Thứ hai, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ và cơ sở hạ tầng. Các dự án đầu tư xây dựng chợ biên giới, chợ cửa khẩu, kho ngoại quan, bãi lưu giữ hàng hóa, cơ sở chế biến gia công hàng xuất khẩu tại các cửa khẩu sẽ được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay với giới hạn không quá 5 tỷ đồng/dự án và thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng sau khi hoàn thành.

Thứ ba, chính sách hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa. Doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng có xuất xứ sản xuất tại tỉnh đạt giá trị kim ngạch tối thiểu 50.000 USD/năm sẽ được hỗ trợ 2% trên tổng giá trị kim ngạch, với mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/năm.

Cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho thương mại:

Dựa trên nội dung Hiệp định Thương mại Biên giới Việt - Trung được ký kết vào ngày 12/9/2016 và Quyết định số 2534/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai kế hoạch thực hiện Hiệp định. Năm 2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang đã xây dựng Kế hoạch 48/KH-UBND về Triển khai thực hiện hiệp định thương mại biên giới Việt Trung trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Trong kế hoạch chi tiết của tỉnh có đề cập đến việc cải cách thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Tỉnh Hà Giang đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tại các cửa khẩu và khu chợ biên giới, đơn giản hóa quy trình xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh để hỗ trợ thương nhân và cư dân biên giới. Đồng thời, thường xuyên hội đàm với phía Trung Quốc để cập nhật và điều chỉnh chính sách thương mại, nhằm tránh tình trạng ứ tắc hàng hóa, đặc biệt là nông sản tươi sống.

Xúc tiến thương mại và đầu tư qua biên giới.

Cung trong Kế hoạch 48/KH-UBND về Triển khai thực hiện hiệp định thương mại biên giới Việt Trung trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Hà Giang tích cực tổ chức các hội nghị xúc tiến thương mại, kết nối thương nhân và tham gia hội chợ quốc tế nhằm mở rộng thị trường và thúc đẩy xuất khẩu. Tỉnh cũng khuyến khích đầu tư xây dựng kho bãi, điểm bán hàng Việt Nam tại các khu chợ biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại. Ngày 12 tháng 9 năm 2026 Hiệp định Thương mại Việt Trung được kí kết và Quyết định số 2534/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai kế hoạch thực hiện Hiệp định, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang đã xây dựng kế hoạch chi

tiết nhằm thực hiện hiệu quả Hiệp định trên địa bàn tỉnh. Nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại biên giới, các thương nhân cần được khuyến khích tham gia các hiệp hội thương mại để có thể trao đổi thông tin và hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, các cơ quan chức năng cần cung cấp thông tin thị trường và chính sách thương mại biên giới của Trung Quốc nhằm giúp thương nhân chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh. Việc nâng cao hiệu quả quản lý tại cửa khẩu cũng cần được chú trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thông quan hàng. Một trong những giải pháp quan trọng là tổ chức các hội chợ thương mại và hội nghị xúc tiến đầu tư với các đối tác Trung Quốc. Những sự kiện này giúp tăng cường kết nối doanh nghiệp hai bên và mở rộng cơ hội hợp tác. Bên cạnh đó, cần huy động nguồn vốn đầu tư để nâng cấp cơ sở hạ tầng thương mại tại các cửa khẩu và khu vực biên giới, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động giao thương.

Phát triển hệ thống chợ biên giới

Để thương mại biên giới phát triển bền vững, việc quy hoạch và nâng cấp hệ thống chợ biên giới là rất cần thiết. Điều này không chỉ giúp tạo thuận lợi cho giao thương mà còn thúc đẩy sự kết nối giữa các địa phương hai bên biên giới. Ngoài ra, cần có sự phối hợp với phía Trung Quốc trong việc mở rộng và phát triển các cặp chợ biên giới, qua đó tăng cường hoạt động thương mại song phương. Tỉnh đã tiến hành quy hoạch và nâng cấp hệ thống chợ tại khu vực biên giới, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng như đường giao thông và chợ cửa khẩu. Việc mở và nâng cấp các cặp cửa khẩu đã tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế và thương mại qua biên giới. Tại huyện Đồng Văn để thúc đẩy sự phát triển của kinh tế biên mậu, huyện đã chủ động kêu gọi đầu tư, đồng thời xây dựng, nâng cấp hệ thống chợ, đặc biệt là các chợ tại cửa khẩu và các xã biên giới. Đến nay, cơ sở hạ tầng và dịch vụ khu vực biên giới, cửa khẩu đã được đầu tư theo quy hoạch, không ngừng nâng cấp và mở rộng. Việc mở mới và nâng cấp các cặp cửa khẩu đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao thương, trao đổi văn hóa – xã hội giữa các khu vực biên giới. Song song với đó, các lực lượng chức năng được

chỉ đạo tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn buôn lậu, đồng thời duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị trên nhiều lĩnh vực với các huyện giáp biên như MalyPho, Phú Ninh (tỉnh Vân Nam, Trung Quốc). Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên biên giới giao lưu, thăm thân và buôn bán hàng hóa. Đặc biệt, mới đây, tại Mốc 393 (thôn Tả Kha, thị trấn Phố Bàng), huyện Đồng Văn đã chính thức khôi phục thông quan lối mở biên giới Phố Bàng (Việt Nam) – Đồng Cán (Trung Quốc). Đây là tuyến giao thương quan trọng, tạo điều kiện để cư dân biên giới hai bên thăm thân và trao đổi hàng hóa. Trước đó, do tình hình dịch Covid-19, tỉnh Vân Nam đã tạm dừng thông quan tại lối mở này. Hiện nay, khi dịch bệnh đã ổn định, tỉnh Vân Nam quyết định khôi phục thông quan, mở ra cơ hội lớn cho giao thương và phát triển kinh tế giữa hai bên.

2.2.5. Chính sách thương mại biên giới của Việt Nam.

Chính sách thương mại biên giới của Việt Nam bao gồm các quy định, cơ chế và biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới, đảm bảo an ninh kinh tế và hỗ trợ phát triển vùng biên. Chính sách này chịu sự điều chỉnh của các luật và nghị định về thương mại, hải quan, quản lý thị trường, cũng như các thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương giữa Việt Nam với các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào, Campuchia được quy định trong các văn bản pháp luật như: Luật Thương mại 2005, Luật hải quan 2014, Nghị định số 14/2018/NĐ-CP về hoạt động thương mại biên giới, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương, Thông tư số 09/2020/TT-BCT về quy định quản lý hoạt động thương mại biên giới. Đối với Trung Quốc nói riêng, Việt Nam đã ban hành một số chính sách tiêu biểu như sau:

Để đẩy mạnh phát triển thương mại biên giới, “*Quy hoạch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023, qua đó đã xác định được tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế, thương mại biên giới. Quy hoạch tỉnh Hà Giang thể hiện rõ định hướng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2016 “*Hiệp định Thương mại Việt - Trung*” được kí kết, hiệp định này đã thiết lập khung pháp lý cho hoạt động thương mại tại khu vực biên giới giữa hai nước, thay thế Hiệp định về mua bán hàng hóa ở vùng biên giới ký ngày 19/10/1998. Hiệp định này nhằm thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Để xem toàn văn Hiệp định, bạn có thể truy cập tại đây. Hoạt động thương mại biên giới diễn ra thông qua các cửa khẩu biên giới đất liền và các khu (điểm) chợ biên giới được hai bên thỏa thuận mở tại các tỉnh biên giới của Việt Nam và Trung Quốc. Các bên cam kết tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân và cư dân biên giới trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, tuân thủ các quy định về kiểm dịch, an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn chất lượng khác.

Ngày 04/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14/2018/NĐ-CP về hoạt động thương mại biên giới. Nghị định này tiếp tục quy định ba phương thức thanh toán gồm: thanh toán qua ngân hàng; thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu (phần chênh lệch thanh toán qua ngân hàng); và thanh toán bằng tiền mặt. Tuy nhiên, theo quy định mới, phương thức thanh toán bằng tiền mặt chỉ áp dụng đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới. Từ năm 2029, Bộ Tài chính sẽ đề xuất điều chỉnh số lần và mức miễn thuế đối với hàng nhập khẩu theo hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới. Từ ngày 01/01/2029, cư dân biên giới phải có mặt khi làm thủ tục xuất nhập khẩu. Đến ngày 01/01/2030, hàng hóa chỉ được làm thủ tục tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ và các lối mở biên giới đã được cấp phép. Nghị định cũng đã bổ sung quy định về tiêu chuẩn hàng hóa, yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc theo quy định của nước nhập khẩu. Đồng thời, sửa đổi quy định về chủ thể mua bán tại chợ biên giới, gồm thương nhân, công dân Việt Nam cư trú tại khu vực biên giới và thương nhân, công dân nước có chung biên giới có giấy tờ hợp lệ. Ngoài ra, nghị định điều chỉnh quy định về

xuất nhập cảnh người và phương tiện Việt Nam. Chủ hàng, người điều khiển phương tiện phải tuân thủ các điều ước quốc tế và quy định pháp luật. Người điều khiển phương tiện cần có giấy phép phù hợp. Phương tiện và chủ thể kinh doanh khi qua cửa khẩu, lối mở biên giới để vào chợ biên giới nước có chung biên giới phải chịu kiểm tra, kiểm soát theo quy định.

Chính phủ có các chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế cho hàng hóa trong hạn mức, hỗ trợ hạ tầng thương mại và đơn giản hóa thủ tục hải quan. Đồng thời, để kiểm soát thị trường, nhà nước cũng áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế buôn lậu, gian lận thương mại và kiểm soát chất lượng hàng hóa. Tuy nhiên, thương mại biên giới vẫn gặp nhiều thách thức như tình trạng buôn lậu phức tạp, hạ tầng chưa đồng bộ và chính sách còn thay đổi thường xuyên. Dù vậy, đây cũng là cơ hội để mở rộng thị trường, gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, đặc biệt đối với nông sản và thủy sản, đồng thời thúc đẩy đầu tư và du lịch tại các khu kinh tế cửa khẩu. Chính sách thương mại biên giới của Việt Nam đang ngày càng được hoàn thiện để vừa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cư dân biên giới, vừa đảm bảo quản lý hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc gia.

2.2.6. Hợp tác giữa Việt Nam - Trung Quốc trong quản lý cửa khẩu.

Ngoại giao và giao lưu nhân dân:

Tỉnh Hà Giang đang tích cực triển khai các giải pháp nhằm tăng cường quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân trong bối cảnh tình hình mới. Đặc biệt, tỉnh chú trọng phát huy hiệu quả Đề án Nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030. Việc duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các đối tác quốc tế không chỉ thúc đẩy sự phát triển chung mà còn tạo ra tác động đa chiều, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác hợp tác và duy trì quan hệ hữu nghị với các địa phương láng giềng Trung Quốc tiếp tục được đẩy mạnh thông qua các hoạt động trao đổi đoàn thường xuyên. Hai bên luân phiên

tổ chức các chuyến thăm, làm việc theo cơ chế ký kết, qua đó kịp thời giải quyết khó khăn, tháo gỡ vướng mắc trong giao lưu và định hướng nhiều nội dung hợp tác quan trọng. Tỉnh cũng đang triển khai hiệu quả chương trình ký kết nghĩa giữa các huyện biên giới với các địa phương đối đẳng phía Trung Quốc trong giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, tỉnh duy trì mối quan hệ hữu nghị giữa 6 cặp huyện, 12 Đồn Biên phòng và 34 xã biên giới với các địa phương phía Trung Quốc. Ngoài ra, về phía người dân cũng có sự giao lưu riêng thông qua các lễ hội dân tộc như: Lễ hội Gầu Tào hay còn gọi là Hội Hoa Sơn (theo cách gọi của Trung Quốc), với lợi thế là dùng chung hệ ngôn ngữ dân tộc HMong, Nùng,... Người dân vùng biên giới có không chỉ giao thương về kinh tế, hàng hóa mà còn có nhiều hoạt động giao lưu về văn hóa, nghệ thuật.

Quốc phòng - An ninh: Với đường biên giới với Trung Quốc kéo dài 277,556km³⁷, với tổng số 442 cột mốc biên giới (358 cột mốc chính, 84 cột mốc phụ), tiếp giáp với 3 huyện là Mã Quan, Ma Ly Pho, Phú Ninh của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Khu vực biên giới có diện tích rộng, địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, giao thông đi lại khó khăn. Vùng biên giới Hà Giang đa phần là người dân tộc thiểu số với tình độ dân trí còn thấp, tỷ lệ đói nghèo lên tới 42,61%, do đó mà vấn đề đảm bảo trật tự an ninh tại đây còn nhiều bất cập. Tình hình an ninh, trật tự tại khu vực này tiềm ẩn nhiều vấn đề, bao gồm hoạt động tôn giáo trái pháp luật ảnh hưởng đến một bộ phận người dân đặc biệt là những người chưa được tiếp cận với giáo dục. Ngoài ra, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh ở người và gia súc vẫn diễn biến phức tạp, khó lường. Những năm 2020 trở về trước vẫn tồn tại tình trạng di cư tự do, xuất nhập cảnh trái phép, cùng với các loại tội phạm như mua bán người, buôn bán ma túy, trộm cắp qua biên giới. Khi biên pháp hàng rào biên giới của Trung Quốc thì tình trạng này đã được kiểm soát.

³⁷ Bảo vệ vững chắc biên cương cực Bắc của Tổ quốc. (2024). Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang. <https://hagiang.gov.vn/hoat-dong-cua-tinh/bao-ve-vung-chac-bien-cuong-cuc-bac-cua-to-quoc-605065>

2.2.7. Các thỏa thuận thương mại và cơ chế điều phối giữa hai nước.

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia láng giềng có mối quan hệ thương mại lâu đời, với Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm qua. Để thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, hai nước đã ký kết nhiều thỏa thuận thương mại quan trọng và thiết lập các cơ chế điều phối nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi hàng hóa và đầu tư.

Một trong những thỏa thuận quan trọng đầu tiên là Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc, được ký kết vào năm 1991 và sau đó được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1996 và 2000. Hiệp định này đặt nền tảng pháp lý cho quan hệ thương mại giữa hai nước, bao gồm các điều khoản về thuế quan ưu đãi, tạo thuận lợi thương mại và bảo hộ quyền lợi doanh nghiệp.

Đặc biệt, từ năm 2010, Việt Nam và Trung Quốc cùng tham gia Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), trong đó Trung Quốc cam kết cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam và các nước ASEAN, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường Trung Quốc.

Ngoài các hiệp định thương mại, hai nước còn thiết lập nhiều cơ chế điều phối để hỗ trợ hợp tác kinh tế, bao gồm Ủy ban Hợp tác Kinh tế Thương mại Việt Nam - Trung Quốc, một diễn đàn quan trọng giúp giải quyết các vấn đề thương mại song phương và thúc đẩy các dự án hợp tác. Bên cạnh đó, hai nước cũng triển khai cơ chế Ủy ban liên hợp biên giới, nhằm điều phối hoạt động thương mại tại các cửa khẩu, giải quyết tranh chấp và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực biên giới. Ngoài ra, trong lĩnh vực đầu tư, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết các hiệp định về Bảo hộ và khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hai bên mở rộng hợp tác trong nhiều lĩnh vực như công nghiệp, nông nghiệp, hạ tầng và logistics.

Nhờ những thỏa thuận và cơ chế điều phối này, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nhiều mặt hàng Việt Nam như nông sản, thủy sản, điện tử, và đồng thời cũng là nguồn cung ứng quan trọng về nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị. Tuy nhiên, quan hệ thương mại giữa hai nước cũng gặp phải một số thách thức như mất cân đối thương mại, các rào cản kỹ thuật và sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc trong một số ngành hàng. Để khắc phục các hạn chế này, hai nước đang tích cực đàm phán nhằm cải thiện điều kiện thương mại, mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực mới như kinh tế số, công nghệ cao và chuỗi cung ứng bền vững.

2.3. Những vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu VN -TQ ở tỉnh Hà Giang

2.3.1. Yếu tố kinh tế

Tiềm năng phát triển thương mại biên giới.

Thương mại biên giới giữa Hà Giang (Việt Nam) và Trung Quốc có tiềm năng phát triển mạnh mẽ nhờ vào vị trí địa lý thuận lợi và nhu cầu trao đổi hàng hóa lớn giữa hai bên. Với đường biên giới dài khoảng 277 km tiếp giáp tỉnh Vân Nam và Quảng Tây, Hà Giang sở hữu nhiều cửa khẩu và lối mở quan trọng như cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, cửa khẩu song phương Xín Mần cùng hệ thống chợ biên giới. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy giao thương, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân địa phương và phát triển kinh tế khu vực. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Hà Giang gồm nông sản (chuối, cam, chè, dược liệu), khoáng sản và hàng tiêu dùng, trong khi hàng nhập khẩu từ Trung Quốc thường là máy móc, thiết bị và vật liệu xây dựng.

Mặc dù có nhiều lợi thế, nhưng thương mại biên giới của Hà Giang vẫn gặp phải một số khó khăn nhất định. Hạ tầng cửa khẩu còn hạn chế, các tuyến đường giao thông chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc vận chuyển hàng hóa.

Bên cạnh đó, các chính sách thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc thường xuyên thay đổi, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh. Ngoài ra, Hà Giang phải cạnh tranh với các cửa khẩu lớn hơn như Lạng Sơn, Lào Cai, nơi có hạ tầng phát triển hơn và dòng lưu chuyển hàng hóa lớn hơn.

Nhu cầu thị trường và năng lực sản xuất địa phương.

Về nhu cầu thị trường, Trung Quốc có nhu cầu cao đối với nông sản, dược liệu và các sản phẩm chế biến từ Việt Nam, đây là cơ hội lớn cho Hà Giang phát triển xuất khẩu. Tuy nhiên, năng lực sản xuất của địa phương vẫn còn hạn chế. Phần lớn các sản phẩm nông nghiệp của Hà Giang được sản xuất theo quy mô nhỏ lẻ, chưa hình thành chuỗi cung ứng bền vững và thiếu tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm chưa đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu, đặc biệt là các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và kiểm dịch thực vật từ phía Trung Quốc. Ngoài ra, hàng hóa của Hà Giang chủ yếu xuất khẩu theo đường tiểu ngạch, thiếu thương hiệu và thị trường ổn định, dẫn đến nhiều rủi ro trong kinh doanh.

2.3.2. Yếu tố chính trị và chính sách

Ảnh hưởng của quan hệ Việt - Trung.

Phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu giữa Việt Nam và Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang chịu tác động mạnh mẽ từ yếu tố chính trị và chính sách. Trước hết, quan hệ đối ngoại giữa hai nước có vai trò quyết định đến chính sách thương mại biên giới, thủ tục hải quan và cơ hội hợp tác kinh tế. Những biến động trong quan hệ song phương có thể ảnh hưởng đến việc thông quan hàng hóa, tạo thuận lợi hoặc gây ra rào cản cho hoạt động biên mậu. Bên cạnh đó, vấn đề chủ quyền và an ninh biên giới luôn được đặt lên hàng đầu, đặc biệt khi Hà Giang có địa hình phức tạp và đường biên giới dài. Bất ổn liên quan đến tranh chấp hoặc

xung đột lợi ích có thể làm gián đoạn thương mại và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của khu vực. Ngoài ra, sự tham gia của các tổ chức quốc tế và khu vực, như ASEAN hay WTO, cũng đặt ra những yêu cầu về chính sách phù hợp với các cam kết quốc tế. Là hai quốc gia láng giềng có chung đường biên giới dài, Việt Nam và Trung Quốc vừa hợp tác vừa có những khác biệt về lợi ích trong nhiều lĩnh vực. Quan hệ song phương ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại biên giới, giúp các doanh nghiệp xuất nhập khẩu phát triển. Ngược lại, nếu có những căng thẳng về chính trị hoặc điều chỉnh chính sách đột ngột, hoạt động thương mại qua biên giới có thể bị gián đoạn, gây ảnh hưởng đến đời sống và kinh tế của người dân địa phương. Bên cạnh đó, các chính sách siết chặt quản lý biên giới, kiểm soát hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc cũng ảnh hưởng đến các mặt hàng xuất khẩu của Hà Giang, đặc biệt là nông sản.

Chính sách thương mại và phát triển cửa khẩu của Việt Nam.

Về mặt chính sách, quy hoạch và quản lý cửa khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực thông quan và phát triển kinh tế biên giới. Nếu thiếu sự đồng bộ về hạ tầng giao thông, kho bãi và logistics, hoạt động biên mậu sẽ gặp nhiều khó khăn. Các quy định về thuế quan, kiểm dịch, tiêu chuẩn hàng hóa cũng cần được thống nhất và linh hoạt để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Ngoài ra, chính sách hợp tác giữa Hà Giang và các tỉnh biên giới của Trung Quốc cần được thúc đẩy theo hướng thực tế, giúp giảm bớt rào cản hành chính và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Quan trọng hơn, sự phát triển hệ thống cửa khẩu phải gắn với việc nâng cao đời sống của người dân địa phương, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội. Vì vậy, để hệ thống cửa khẩu, biên mậu tại Hà Giang phát triển bền vững, cần có chiến lược chính trị và chính sách dài hạn, phù hợp với xu thế hội nhập, đồng thời đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia.

2.3.3. Yếu tố cơ sở hạ tầng

Hệ thống giao thông, logistics, kho bãi.

Hà Giang, với địa hình chủ yếu là núi cao, dốc đứng và đèo hiểm trở, gặp phải nhiều khó khăn trong việc phát triển giao thông và kinh tế. Những trận thiên tai như mưa lũ, sạt lở đất thường xuyên xảy ra, làm gián đoạn giao thông, gây thiệt hại lớn về tài sản và ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Các tuyến đường huyết mạch bị sạt lở hoặc tắc nghẽn, khiến việc vận chuyển hàng hóa gặp khó khăn, hạn chế khả năng phát triển nông sản và du lịch. Điều này ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế của tỉnh, khi các sản phẩm nông nghiệp không thể đến tay người tiêu dùng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Mặc dù Hà Giang có tiềm năng du lịch lớn nhờ cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, nhưng cơ sở hạ tầng giao thông yếu kém và ảnh hưởng của thiên tai cũng khiến cho việc thu hút du khách gặp phải nhiều trở ngại. Hà Giang ngoài việc gặp nhiều khó khăn do hạ tầng chưa đồng bộ, các tuyến đường nối từ nội địa đến cửa khẩu còn nhỏ hẹp, xuống cấp, đặc biệt dễ bị sạt lở vào mùa mưa, gây khó khăn cho việc lưu thông hàng hóa. Bên cạnh đó, tỉnh chưa có tuyến cao tốc kết nối trực tiếp với các trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội, dẫn đến thời gian vận chuyển kéo dài và chi phí tăng cao. Để khắc phục, cần tập trung đầu tư nâng cấp các tuyến quốc lộ như QL2, QL4C, QL4D và nghiên cứu xây dựng tuyến cao tốc liên kết Hà Giang với các tỉnh lân cận. Đồng thời, việc phát triển các trạm dừng nghỉ, bảo trì phương tiện trên tuyến vận tải cũng rất cần thiết nhằm hỗ trợ tốt hơn cho doanh nghiệp.

Bên cạnh giao thông, hệ thống logistics tại Hà Giang vẫn chưa phát triển mạnh, khiến chi phí vận chuyển hàng hóa cao hơn so với các tỉnh có hạ tầng tốt hơn. Hiện tại, tỉnh chưa có trung tâm logistics quy mô lớn, khiến việc kiểm định, đóng gói và bảo quản hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, thủ tục hải quan tại cửa khẩu đôi khi còn phức tạp, làm chậm tiến độ xuất nhập khẩu. Giải pháp đặt ra là xây dựng các trung tâm logistics hiện đại tại cửa khẩu Thanh Thủy và

các khu vực trọng điểm, đồng thời ứng dụng công nghệ số hóa trong quy trình hải quan để rút ngắn thời gian thông quan. Việc thu hút doanh nghiệp logistics lớn đầu tư vào tỉnh cũng sẽ góp phần cải thiện tình trạng này.

Ngoài ra, hệ thống kho bãi cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Hiện nay, các kho bãi tại Hà Giang còn nhỏ lẻ, công suất thấp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu bảo quản hàng hóa, đặc biệt là vào mùa cao điểm. Việc thiếu kho lạnh cũng là một hạn chế lớn, khiến nhiều mặt hàng nông sản như trái cây, thủy sản không được bảo quản tốt, ảnh hưởng đến chất lượng khi xuất khẩu. Để khắc phục, cần xây dựng thêm các khu kho bãi đạt chuẩn, đặc biệt là kho lạnh phục vụ hàng nông sản. Việc ứng dụng công nghệ quản lý kho thông minh cũng giúp nâng cao hiệu suất lưu trữ và phân phối hàng hóa. Bên cạnh đó, hợp tác với các doanh nghiệp Trung Quốc để mở rộng hệ thống kho liên kết giữa hai nước sẽ giúp tăng cường xuất khẩu hàng hóa một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý cửa khẩu.

Trong quá trình phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu Việt Nam – Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang, ứng dụng công nghệ trong quản lý cửa khẩu là một yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Trước hết, hạ tầng công nghệ tại các cửa khẩu của Hà Giang chưa đồng bộ, nhiều khâu vẫn sử dụng phương pháp thủ công, gây tắc nghẽn và chậm trễ trong quá trình thông quan. Hệ thống cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh chưa được kết nối chặt chẽ, dẫn đến khó khăn trong việc quản lý hàng hóa, phương tiện và con người. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát vẫn còn phụ thuộc nhiều vào con người, trong khi các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hay blockchain³⁸ vẫn chưa được ứng dụng rộng rãi tại các cửa khẩu của Hà Giang. Ngoài ra, vấn đề an ninh mạng cũng đặt ra thách thức lớn khi triển

³⁸ Blockchain là một công nghệ chuỗi khối, hoạt động như một sổ cái kỹ thuật số phi tập trung, giúp lưu trữ và xác thực thông tin một cách minh bạch, bảo mật cao và không thể thay đổi.

khai hệ thống quản lý thông minh, do nguy cơ bị tấn công hoặc rò rỉ thông tin. Để khắc phục những hạn chế này, tỉnh Hà Giang cần đầu tư phát triển hạ tầng số, ứng dụng hệ thống quản lý điện tử liên thông giữa các cơ quan, đồng thời triển khai công nghệ nhận diện khuôn mặt, mã QR và trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình kiểm tra, giám sát tại các cửa khẩu. Việc hiện đại hóa hệ thống quản lý không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu mà còn góp phần đảm bảo an ninh biên giới và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực.

2.3.4. Yếu tố xã hội và môi trường

Tác động đến đời sống dân cư biên giới.

Thứ nhất, gia tăng sự phân hóa trong xã hội. Phát triển hệ thống cửa khẩu, biên mậu giữa Việt Nam và Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang mang lại nhiều cơ hội việc làm, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn về phân bổ công ăn việc làm giữa các nhóm dân cư. Các cộng đồng dân tộc thiểu số, vốn có trình độ học vấn và kỹ năng lao động hạn chế, có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp. Điều này có thể dẫn đến sự phân hoá xã hội rõ rệt, tạo ra khoảng cách giữa các nhóm dân cư trong khu vực.

Thứ hai, sự gia tăng giao lưu và thương mại qua các cửa khẩu biên giới cũng làm nảy sinh vấn đề về sự giao thoa văn hóa. Các giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng địa phương có thể bị ảnh hưởng hoặc thậm chí mai một khi các yếu tố văn hóa, lối sống từ các khu vực khác xâm nhập vào. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa này cần phải được chú trọng, nhằm tránh sự đồng hóa và mất đi bản sắc văn hóa đặc trưng.

Thứ ba, về an ninh. Sự gia tăng giao thương qua biên giới có thể kéo theo các vấn đề an ninh, như tội phạm biên giới, buôn lậu hàng hóa, hay các tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy. Chính quyền địa phương cần phải có các biện pháp mạnh mẽ để quản lý và kiểm soát tình hình, đảm bảo sự an toàn cho cộng đồng dân cư và ngăn ngừa những tác động tiêu cực từ các hoạt động phi pháp.

Các vấn đề về lao động và an sinh xã hội:

Một trong những vấn đề quan trọng đầu tiên là thiếu kỹ năng lao động tại khu vực biên giới. Người lao động ở đây chủ yếu làm việc trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kiểm tra an ninh, hoặc bốc xếp hàng hóa, nhưng nhiều người vẫn chưa được đào tạo chuyên sâu về các kỹ năng cần thiết cho công việc. Điều này dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao và thu nhập không ổn định, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người lao động. Do đó, việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nghề chất lượng cao là cần thiết để giúp người dân có thể tiếp cận những công việc đòi hỏi kỹ năng cao hơn và từ đó nâng cao thu nhập cũng như đời sống.

Bên cạnh đó, vấn đề chế độ đãi ngộ và việc làm cũng rất quan trọng. Mặc dù nhiều lao động tại khu vực cửa khẩu có công việc ổn định, nhưng mức thu nhập của họ lại không được đảm bảo ở mức cao và bền vững, đặc biệt là đối với lao động thời vụ. Việc thiếu các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hay các phúc lợi khác khiến cho người lao động gặp khó khăn khi gặp phải rủi ro trong công việc hay khi họ cần chăm sóc sức khỏe. Điều này làm gia tăng mức độ bất ổn về an sinh xã hội tại khu vực biên giới. Vì vậy, cần thiết phải có những chính sách bảo vệ lao động tốt hơn, giúp họ được tiếp cận với các quyền lợi cơ bản như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các phúc lợi khác.

Một vấn đề đáng lo ngại khác là điều kiện làm việc và an toàn lao động. Mặc dù một số khu vực cửa khẩu đã có những cải thiện về cơ sở hạ tầng và môi trường làm việc, nhưng vẫn còn nhiều khu vực công việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động, đặc biệt là trong các công việc nặng nhọc như bốc xếp hàng hóa. Các khu vực cửa khẩu, với lượng người và phương tiện qua lại đông đúc, dễ xảy ra các tai nạn lao động nếu không có các biện pháp bảo vệ an toàn đầy đủ. Do đó, việc nâng cao công tác bảo vệ an toàn lao động, đầu tư vào các thiết bị bảo hộ và

triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe cho người lao động là cực kỳ quan trọng, nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn và bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Ngoài ra, vấn đề an sinh xã hội tại khu vực biên giới cũng cần được chú trọng. Các dịch vụ cơ bản như giáo dục, y tế, nhà ở tại các khu vực cửa khẩu chưa được phát triển đầy đủ, dẫn đến tình trạng thiếu thốn các dịch vụ thiết yếu cho người lao động và gia đình họ. Điều này càng khiến cho sự chênh lệch về mức sống giữa các khu vực biên giới và các thành phố lớn trở nên rõ rệt, gây khó khăn cho người dân trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống. Chính vì vậy, các chính sách phát triển hạ tầng xã hội, cải thiện các dịch vụ y tế, giáo dục và nhà ở cho người lao động cần được triển khai đồng bộ để đảm bảo một cuộc sống ổn định và lâu dài cho người dân trong khu vực.

Các vấn đề về môi trường

Thứ nhất, phát triển hệ thống cửa khẩu tại Hà Giang có thể dẫn đến sự thay đổi trong sử dụng đất. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông và các công trình phục vụ cho thương mại biên giới có thể làm giảm diện tích đất nông nghiệp và đất rừng, ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học và môi trường sống của động vật, thực vật. Nếu không có biện pháp bảo vệ hợp lý, các tác động này có thể dẫn đến sự suy giảm chất lượng môi trường, gây tổn hại lâu dài cho hệ sinh thái. Bên cạnh đó, các hoạt động vận tải hàng hóa và công nghiệp hoá tại cửa khẩu có thể gia tăng ô nhiễm môi trường. Ô nhiễm không khí, nước và đất có thể xảy ra do việc vận chuyển hàng hóa, sản xuất công nghiệp, và các hoạt động khai thác tài nguyên. Ô nhiễm không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng mà còn tác động xấu đến cảnh quan tự nhiên, làm giảm chất lượng sống của người dân.

Thứ hai, biến đổi khí hậu cũng là một yếu tố môi trường quan trọng cần được xem xét trong quá trình phát triển cửa khẩu. Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên và sử dụng đất đai không bền vững có thể làm tăng mức độ tổn thương của khu vực đối với biến đổi khí hậu. Hà Giang, với địa hình chủ yếu là núi non, có thể chịu ảnh hưởng lớn từ các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt và sạt lở đất. Vì vậy, các giải pháp phát triển cần phải lưu ý đến yếu tố bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu để đảm bảo sự phát triển lâu dài và bền vững cho khu vực.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã cung cấp cái nhìn tổng quan về hệ thống cửa khẩu tại tỉnh Hà Giang, với các cửa khẩu chính như Thanh Thủy, Xín Mần và Phó Bảng, đóng vai trò quan trọng trong giao thương biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Các cửa khẩu này không chỉ là điểm giao thoa về thương mại mà còn ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội của khu vực biên giới.

Thực trạng phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu và biên mậu tại Hà Giang được phân tích chi tiết qua các yếu tố như kim ngạch thương mại, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu, và các doanh nghiệp tham gia hoạt động biên mậu. Tuy nhiên, mặc dù có tiềm năng lớn, việc phát triển cơ sở hạ tầng và logistics tại khu vực cửa khẩu còn gặp nhiều khó khăn. Việc đầu tư vào hệ thống giao thông, kho bãi và ứng dụng công nghệ trong quản lý cửa khẩu vẫn là những vấn đề cần giải quyết. Bên cạnh đó, các yếu tố kinh tế, chính trị, chính sách và xã hội cũng tác động mạnh mẽ đến sự phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu. Cụ thể, tiềm năng phát triển thương mại biên giới cần phải được khai thác hiệu quả hơn thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường. Chính sách thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng cần có sự điều chỉnh để phù hợp với thực tế, đồng thời giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người dân biên giới. Cùng với đó là những vấn đề về lao động, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường trong khu vực cửa khẩu cũng cần được đặc biệt chú trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài. Chương này nhấn mạnh rằng, để phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, cần có sự kết hợp giữa đầu tư cơ sở hạ tầng, chính sách thương mại hợp lý và sự quan tâm đến yếu tố xã hội.

Tình hình phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, biên mậu Việt Nam - Trung Quốc tại Hà Giang hiện nay đang đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội. Mặc dù có những bước tiến đáng kể trong việc nâng cao cơ sở hạ tầng và cải thiện quan hệ thương mại giữa hai nước, nhưng vẫn tồn tại không ít vấn đề như sự thiếu

đồng bộ trong quy hoạch phát triển, hạ tầng giao thông chưa hoàn thiện, rào cản trong thủ tục hành chính. Để hướng tới sự phát triển bền vững, cần có những giải pháp đồng bộ từ cả phía chính quyền và doanh nghiệp, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý cửa khẩu, và thúc đẩy hợp tác giữa hai quốc gia nhằm đảm bảo sự phát triển lâu dài và ổn định cho khu vực biên mậu Hà Giang.

CHƯƠNG 3 - ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG CỬA KHẨU HÀ GIANG

3.1. Hoàn thiện chính sách quản lý cửa khẩu và biên mậu

3.1.1. Cải cách thủ tục hành chính

Việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại các khu vực biên giới là một trong những yếu tố cốt lõi để thúc đẩy sự phát triển bền vững và hiệu quả của hoạt động thương mại biên mậu. Với sự gia tăng không ngừng của khối lượng hàng hóa qua lại các cửa khẩu, các quy trình hành chính phức tạp, rườm rà không chỉ gây chậm trễ trong việc thông quan mà còn làm gia tăng chi phí cho doanh nghiệp, từ đó làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế. Do đó, mục tiêu chính của cải cách thủ tục hành chính là đơn giản hóa các quy trình liên quan đến xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan và nâng cao hiệu quả tổng thể của hệ thống thương mại tại khu vực biên giới. Đây không chỉ là một yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế mà còn là giải pháp quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn thường gặp nhiều khó khăn trong việc tuân thủ các thủ tục phức tạp.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2021, những quốc gia tiên phong trong việc áp dụng các hệ thống quản lý thông quan hiện đại đã đạt được những kết quả đáng kể³⁹. Cụ thể, nhờ vào việc sử dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số hóa, thời gian xử lý thủ tục hành chính tại các cửa khẩu có thể được cắt giảm từ 30% đến 50%. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn giảm thiểu các chi phí phát sinh như phí lưu kho, phí vận chuyển hoặc các chi phí liên quan đến sự chậm trễ trong chuỗi cung ứng. Kết quả là, các quốc gia này đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể trong hoạt động thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài, bởi một hệ thống thông quan nhanh chóng và hiệu quả luôn là yếu

³⁹ World Bank. (2021). *Trade Facilitation and Digital Border Management*. The World Bank.

tổ quan trọng trong mắt các nhà đầu tư quốc tế. Những lợi ích này cho thấy rằng cải cách thủ tục hành chính không chỉ mang lại giá trị kinh tế trực tiếp mà còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của các khu vực biên giới.

Tại Việt Nam, việc ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại và cải cách quản lý hành chính đã bắt đầu mang lại những thay đổi tích cực trong hoạt động thương mại biên giới. Một trong những bước tiến nổi bật là việc triển khai mô hình Chính phủ điện tử, cho phép các thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến, giảm thiểu sự phụ thuộc vào giấy tờ truyền thống và các quy trình thủ công. Đồng thời, cơ chế một cửa quốc gia – một nền tảng tích hợp cho phép các cơ quan chức năng phối hợp xử lý thủ tục xuất nhập khẩu trên một hệ thống duy nhất – đã góp phần cải thiện đáng kể tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý cửa khẩu. Những cải cách này không chỉ giúp giảm thời gian thông quan mà còn tăng cường khả năng giám sát, hạn chế các hành vi tiêu cực như tham nhũng hoặc gian lận thương mại, vốn từng là vấn đề nhức nhối tại nhiều cửa khẩu⁴⁰. Nhờ đó, doanh nghiệp và người dân có thể tiếp cận các dịch vụ hành chính một cách nhanh chóng, thuận tiện hơn, đồng thời cảm nhận được sự minh bạch trong quá trình xử lý.

Tuy nhiên, để những cải cách này thực sự phát huy hiệu quả tối đa, cần có sự đầu tư đồng bộ vào cơ sở hạ tầng công nghệ và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực thi. Chẳng hạn, việc triển khai các hệ thống thông quan điện tử đòi hỏi không chỉ phần mềm hiện đại mà còn cần mạng lưới internet ổn định và thiết bị kỹ thuật phù hợp tại các cửa khẩu, đặc biệt là ở những khu vực biên giới xa xôi, nơi điều kiện hạ tầng còn hạn chế. Bên cạnh đó, đào tạo kỹ năng cho cán bộ hải quan và các cơ quan liên quan cũng là yếu tố then chốt để đảm bảo rằng họ có thể vận hành tốt các công cụ mới và thích nghi với những thay đổi trong quy

⁴⁰ Nguyễn, M. T., & Hoàng, T. L. (2021). *Phát triển kinh tế biên mậu Việt Nam: Thực trạng và định hướng*. NXB Chính trị Quốc gia.

trình. Hơn nữa, việc lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp và cộng đồng – những đối tượng trực tiếp sử dụng dịch vụ – sẽ giúp chính phủ điều chỉnh các chính sách sao cho phù hợp hơn với thực tế.

Tóm lại, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu không chỉ là một giải pháp mang tính kỹ thuật mà còn là một chiến lược dài hạn nhằm nâng cao hiệu quả thương mại biên giới và thúc đẩy phát triển kinh tế. Những thành tựu từ việc áp dụng hệ thống quản lý hiện đại trên thế giới, cũng như các bước tiến của Việt Nam với Chính phủ điện tử và cơ chế một cửa quốc gia, là minh chứng rõ ràng cho tiềm năng của cải cách này. Tuy nhiên, để duy trì và mở rộng những kết quả tích cực, cần có sự cam kết mạnh mẽ từ các cơ quan quản lý, sự đầu tư đúng mức vào công nghệ và con người, cũng như sự phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan. Chỉ khi đó, hệ thống cửa khẩu mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy thương mại, đầu tư và hội nhập kinh tế quốc tế một cách bền vững.

3.1.2. Đẩy mạnh hợp tác song phương với Trung Quốc

Hợp tác song phương giữa các quốc gia chia sẻ đường biên giới đóng vai trò nền tảng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ thống cửa khẩu, đặc biệt là tại khu vực Hà Giang – một tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam với vị trí địa lý chiến lược giáp Trung Quốc. Sự hợp tác này không chỉ đơn thuần là một công cụ để tăng cường giao thương mà còn là chìa khóa để giải quyết các thách thức phức tạp liên quan đến kinh tế, an ninh và môi trường tại vùng biên giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, việc duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các quốc gia láng giềng không chỉ giúp tối ưu hóa tiềm năng thương mại mà còn đảm bảo rằng các hoạt động tại cửa khẩu diễn ra một cách ổn định, an toàn và bền vững trong dài hạn.

Một trong những khía cạnh quan trọng nhất của hợp tác song phương là việc ký kết các hiệp định thương mại biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Những hiệp định này tạo ra một khung pháp lý rõ ràng, giúp đơn giản hóa các thủ

tục xuất nhập khẩu, giảm bớt rào cản thuế quan và khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp từ cả hai phía. Theo nghiên cứu của học giả X. Li, các chính sách ưu đãi như giảm thuế hoặc miễn thuế đối với một số mặt hàng đặc thù của khu vực biên giới đã góp phần gia tăng đáng kể lưu lượng hàng hóa qua các cửa khẩu Hà Giang⁴¹. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho doanh nghiệp mà còn tạo động lực để các cơ quan quản lý đầu tư vào cơ sở hạ tầng, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực. Ví dụ, các doanh nghiệp nhỏ và vừa – vốn chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế địa phương – có thể tận dụng những ưu đãi này để mở rộng thị trường sang phía bên kia biên giới, qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế toàn diện cho tỉnh Hà Giang.

Tuy nhiên, hợp tác song phương không chỉ dừng lại ở lĩnh vực kinh tế mà còn cần mở rộng sang các khía cạnh khác như an ninh biên giới và kiểm soát dịch bệnh, vốn là những yếu tố có tác động trực tiếp đến sự thông suốt của hoạt động thương mại. Các cửa khẩu như Thanh Thủy hay Săm Pun tại Hà Giang thường xuyên đối mặt với những thách thức như buôn lậu, vượt biên trái phép hoặc sự lây lan của các dịch bệnh xuyên biên giới, đặc biệt trong bối cảnh các đại dịch toàn cầu gần đây. Do đó, việc phối hợp chặt chẽ với phía Trung Quốc trong các chương trình tuần tra chung, chia sẻ thông tin tình báo và xây dựng các kế hoạch ứng phó khẩn cấp là điều vô cùng cần thiết. Những nỗ lực hợp tác này không chỉ giúp duy trì trật tự tại khu vực biên giới mà còn tạo ra một môi trường an toàn, đáng tin cậy cho các hoạt động giao thương, từ đó củng cố niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư vào hệ thống cửa khẩu Hà Giang.

Ngoài ra, hợp tác song phương còn có thể mở rộng sang các lĩnh vực khác như bảo vệ môi trường và phát triển nguồn nhân lực, góp phần tạo nên một mô hình phát triển bền vững toàn diện hơn. Chẳng hạn, hai bên có thể cùng nhau xây dựng các dự án sử dụng năng lượng tái tạo tại khu vực cửa khẩu hoặc triển khai

⁴¹ Li, X. (2020). *Cross-border Trade and Economic Growth in East Asia*. Springer.

các chương trình đào tạo kỹ năng cho lao động địa phương, giúp họ tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi cung ứng xuyên biên giới. Những sáng kiến này không chỉ giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động thương mại lên môi trường mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân vùng biên, từ đó tạo ra sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa các cộng đồng hai bên biên giới.

Để hợp tác song phương thực sự mang lại hiệu quả, cần có sự cam kết lâu dài từ cả hai phía, cùng với việc xây dựng các cơ chế đối thoại định kỳ để giải quyết những vấn đề phát sinh. Các cuộc họp cấp cao, hội thảo chuyên đề và diễn đàn doanh nghiệp có thể là những nền tảng hữu ích để hai bên thảo luận về các chính sách mới, đánh giá hiệu quả của các hiệp định hiện tại và đề xuất những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, sự tham gia của các tổ chức quốc tế hoặc khu vực, như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hoặc Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cũng có thể hỗ trợ trong việc cung cấp nguồn lực tài chính và kỹ thuật, giúp tăng cường năng lực hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc tại khu vực Hà Giang.

Hợp tác song phương là yếu tố không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống cửa khẩu Hà Giang. Từ việc ký kết các hiệp định thương mại nhằm thúc đẩy lưu lượng hàng hóa, áp dụng chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, đến các chương trình hợp tác về an ninh và kiểm soát dịch bệnh, tất cả đều góp phần tạo nên một hệ thống cửa khẩu hiệu quả, an toàn và thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, để những nỗ lực này đạt được thành công lâu dài, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền hai nước, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, cũng như sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế. Chỉ khi đó, Hà Giang mới có thể tận dụng tối đa vị trí chiến lược của mình để trở thành một cửa ngõ giao thương quan trọng, đồng thời là hình mẫu về phát triển bền vững tại khu vực biên giới.

3.2. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cửa khẩu

3.2.1. Nâng cấp hệ thống giao thông kết nối

Phát triển hạ tầng giao thông không chỉ là một yếu tố quan trọng mà còn được xem là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu suất và mở rộng quy mô của hoạt động thương mại biên mậu, đặc biệt tại các khu vực biên giới như Hà Giang. Với vị trí địa lý chiến lược giáp Trung Quốc – một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới – Hà Giang sở hữu tiềm năng to lớn để trở thành cửa ngõ giao thương quan trọng. Tuy nhiên, tiềm năng này chỉ có thể được khai thác triệt để khi hệ thống giao thông được đầu tư bài bản, hiện đại và đồng bộ. Một mạng lưới giao thông phát triển không chỉ giúp giảm thiểu thời gian vận chuyển, hạ thấp chi phí logistics mà còn tạo điều kiện thuận lợi để kết nối các cửa khẩu biên giới với các trung tâm kinh tế lớn trong và ngoài nước, từ đó thúc đẩy lưu thông hàng hóa và gia tăng giá trị thương mại.

Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á, việc đầu tư vào mạng lưới giao thông xuyên biên giới có thể mang lại những tác động kinh tế đáng kể. Cụ thể, nghiên cứu chỉ ra rằng các khu vực được cải thiện hạ tầng giao thông có thể chứng kiến mức tăng trưởng khối lượng thương mại từ 20% đến 30% trong khoảng thời gian 10 năm⁴². Con số này phản ánh rõ ràng mối liên hệ chặt chẽ giữa chất lượng hạ tầng và hiệu quả kinh tế. Đối với Hà Giang, điều này có nghĩa là các khoản đầu tư vào đường sá, cầu cống và các trung tâm logistics không chỉ mang lại lợi ích ngắn hạn bằng cách cải thiện lưu lượng hàng hóa mà còn đặt nền móng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn. Một hệ thống giao thông tốt hơn sẽ giúp rút ngắn khoảng cách giữa các vùng sâu vùng xa của tỉnh với các thị trường lớn của Trung Quốc như Vân Nam hay Quảng Tây, đồng thời kết nối Hà Giang với các khu kinh tế trọng điểm trong nước như Hà Nội hay Hải Phòng.

⁴² ADB. (2022). *Regional Trade Agreements and Sustainable Border Development*. Asian Development Bank.

Để hiện thực hóa tiềm năng này, Hà Giang cần ưu tiên nâng cấp và mở rộng các tuyến quốc lộ huyết mạch chạy qua địa bàn tỉnh. Hiện tại, nhiều tuyến đường tại khu vực biên giới vẫn còn trong tình trạng xuống cấp, hẹp và khó khăn cho việc vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn, đặc biệt là trong mùa mưa lũ – thời điểm mà địa hình miền núi của Hà Giang trở nên đặc biệt khắc nghiệt. Việc cải tạo các tuyến đường như Quốc lộ 2, Quốc lộ 4C hoặc các tuyến đường liên kết với các cửa khẩu như Thanh Thủy, Săm Pun không chỉ giúp tăng khả năng chịu tải mà còn đảm bảo an toàn cho các phương tiện vận tải. Ngoài ra, xây dựng thêm các cây cầu mới và nâng cấp những cây cầu hiện có cũng là một nhiệm vụ cấp thiết. Những cây cầu này không chỉ phục vụ giao thông mà còn đóng vai trò như các điểm kết nối chiến lược, giúp giảm thiểu tình trạng ùn tắc tại các cửa khẩu trong giờ cao điểm và tăng cường khả năng lưu thông hàng hóa.

Bên cạnh đó, việc cải thiện hệ thống logistics là một yếu tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển hạ tầng giao thông của Hà Giang. Hiện nay, các dịch vụ logistics tại khu vực biên giới vẫn còn manh mún, thiếu sự đồng bộ và chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng gia tăng của hoạt động thương mại biên mậu. Việc xây dựng các trung tâm logistics hiện đại, được trang bị kho bãi, hệ thống quản lý hàng hóa thông minh và các phương tiện vận tải chuyên dụng, sẽ giúp Hà Giang kết nối hiệu quả hơn với các khu kinh tế lớn của Trung Quốc. Những trung tâm này không chỉ đóng vai trò là điểm trung chuyển hàng hóa mà còn hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương trong việc bảo quản, đóng gói và phân phối sản phẩm, từ đó nâng cao giá trị gia tăng của các mặt hàng xuất khẩu như nông sản, khoáng sản hay thủ công mỹ nghệ – những thế mạnh đặc trưng của tỉnh.

Tuy nhiên, để đạt được những mục tiêu này, Hà Giang cần vượt qua không ít thách thức, đặc biệt là về nguồn vốn và công nghệ. Các dự án phát triển hạ tầng giao thông thường đòi hỏi khoản đầu tư lớn, trong khi ngân sách địa phương còn hạn chế. Do đó, việc huy động vốn từ các nguồn lực bên ngoài, chẳng hạn như hợp tác công-tư (PPP), vay vốn từ các tổ chức quốc tế như ADB hoặc kêu gọi đầu

tư từ doanh nghiệp Trung Quốc, sẽ là những giải pháp khả thi. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, trung ương và các bên liên quan để đảm bảo rằng các dự án được triển khai đúng tiến độ và đạt chất lượng cao. Hơn nữa, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong xây dựng và quản lý giao thông, như sử dụng bản đồ số để quy hoạch tuyến đường hoặc hệ thống giám sát giao thông thông minh, cũng sẽ giúp tối ưu hóa hiệu quả của các khoản đầu tư.

Những đột phá về phát triển hạ tầng giao thông là chìa khóa để Hà Giang nâng cao hiệu suất thương mại biên mậu và tận dụng tối đa lợi thế địa lý của mình. Từ việc nâng cấp các tuyến quốc lộ, xây dựng cầu đường, đến cải thiện hệ thống logistics, tất cả đều cần được thực hiện một cách đồng bộ và chiến lược để tạo ra một mạng lưới giao thông xuyên biên giới hiệu quả. Những nỗ lực này không chỉ giúp tăng khối lượng thương mại như dự báo của ADB mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đưa Hà Giang trở thành một điểm sáng trong bản đồ thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Tuy nhiên, để thành công, cần có sự đầu tư mạnh mẽ, kế hoạch dài hạn và sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên, từ đó biến hạ tầng giao thông thành động lực bền vững cho tương lai của khu vực.

3.2.2. Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu hiện đại

Các khu kinh tế cửa khẩu không chỉ đơn thuần là những điểm giao thương mà còn đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng biên giới, đặc biệt là ở những khu vực có vị trí chiến lược như Hà Giang. Với vai trò là cầu nối giữa các nền kinh tế trong khu vực, những khu kinh tế này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại biên mậu mà còn góp phần thay đổi diện mạo của các vùng đất vốn thường bị coi là xa xôi, khó khăn. Để khai thác tối đa tiềm năng này, việc quy hoạch và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu một cách bài bản, khoa học là yếu tố then chốt, bởi chúng không chỉ mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp mà còn tạo ra những hiệu ứng lan tỏa, từ việc

tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương, đến việc thu hút dòng vốn đầu tư từ cả trong và ngoài nước.

Theo nghiên cứu của Smith, các khu kinh tế cửa khẩu được quy hoạch hợp lý có thể trở thành động lực quan trọng để cải thiện đời sống kinh tế - xã hội tại vùng biên⁴³. Cụ thể, khi được đầu tư đúng mức, những khu vực này có thể tạo ra hàng ngàn việc làm mới, từ các công việc trực tiếp như vận tải, logistics, sản xuất, đến các công việc gián tiếp như dịch vụ ăn uống, thương mại và du lịch. Điều này đặc biệt có ý nghĩa tại Hà Giang – nơi phần lớn người dân vẫn phụ thuộc vào nông nghiệp truyền thống với năng suất thấp và thu nhập không ổn định. Việc làm mới không chỉ giúp nâng cao mức sống mà còn góp phần giảm tỷ lệ nghèo đói, hạn chế tình trạng di cư lao động ra các thành phố lớn hoặc vượt biên trái phép – những vấn đề thường gặp ở các tỉnh biên giới. Hơn nữa, sự hiện diện của các khu kinh tế cửa khẩu còn kích thích dòng vốn đầu tư chảy vào khu vực, bao gồm cả vốn từ doanh nghiệp trong nước và vốn FDI từ các quốc gia láng giềng như Trung Quốc, từ đó tạo ra nguồn lực để hiện đại hóa hạ tầng và thúc đẩy các ngành công nghiệp phụ trợ.

Để phát triển các khu kinh tế cửa khẩu một cách hiệu quả, Hà Giang cần học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình thành công tại Trung Quốc và các nước ASEAN, nơi đã chứng minh được vai trò của những khu vực này trong việc thúc đẩy kinh tế biên giới. Ví dụ, Trung Quốc đã xây dựng nhiều khu kinh tế đặc biệt tại các tỉnh giáp Việt Nam như Vân Nam hay Quảng Tây, với cơ sở hạ tầng hiện đại, chính sách ưu đãi hấp dẫn và sự kết nối chặt chẽ với các tuyến giao thông xuyên biên giới. Những khu vực này không chỉ là trung tâm logistics mà còn là nơi tập trung các nhà máy sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tương tự, các nước ASEAN như Thái Lan hay Malaysia cũng đã phát triển các khu kinh tế cửa khẩu với chiến lược rõ ràng, tập trung vào việc thu hút

⁴³ Smith, J. (2020). *Environmental Sustainability in Cross-border Trade*. Oxford University Press.

đầu tư nước ngoài và tối ưu hóa chuỗi cung ứng khu vực. Việc nghiên cứu và áp dụng những bài học này sẽ giúp Hà Giang xây dựng một hệ thống cửa khẩu hiện đại, bền vững, đáp ứng được cả nhu cầu kinh tế ngắn hạn và mục tiêu phát triển dài hạn.

Tuy nhiên, để áp dụng thành công các mô hình này, Hà Giang cần điều chỉnh chiến lược sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Trước hết, việc quy hoạch các khu kinh tế cửa khẩu cần được thực hiện dựa trên đánh giá kỹ lưỡng về tiềm năng kinh tế, đặc điểm địa lý và nhu cầu thị trường. Chẳng hạn, Hà Giang có thể tập trung phát triển các khu kinh tế chuyên về chế biến nông sản – thế mạnh của tỉnh – hoặc các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, thủ công mỹ nghệ, vốn không đòi hỏi đầu tư quá lớn nhưng vẫn tạo ra nhiều việc làm. Đồng thời, cần xây dựng các chính sách ưu đãi đặc thù, như miễn giảm thuế trong giai đoạn đầu, hỗ trợ vốn vay cho doanh nghiệp hoặc giảm chi phí thuê đất, nhằm thu hút các nhà đầu tư đến với khu vực vốn còn nhiều hạn chế về hạ tầng và nguồn lực như Hà Giang.

Ngoài ra, sự phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu không thể tách rời việc đầu tư vào hạ tầng giao thông và logistics – những yếu tố nền tảng để đảm bảo tính kết nối và hiệu quả vận hành. Các tuyến đường dẫn đến cửa khẩu, kho bãi, và hệ thống quản lý hàng hóa cần được nâng cấp đồng bộ để đáp ứng lưu lượng giao thương ngày càng tăng. Hơn nữa, việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, như hệ thống hải quan điện tử hoặc nền tảng theo dõi hàng hóa theo thời gian thực, cũng sẽ giúp tăng tính minh bạch và giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp. Sự kết hợp giữa quy hoạch thông minh, chính sách hỗ trợ và hạ tầng hiện đại sẽ tạo nên một hệ sinh thái kinh tế cửa khẩu bền vững, giúp Hà Giang không chỉ dừng lại ở vai trò trung chuyển hàng hóa mà còn trở thành một trung tâm sản xuất và thương mại thực thụ.

Dẫu vậy, quá trình này không tránh khỏi những thách thức, từ hạn chế về nguồn vốn, nhân lực chất lượng cao, đến nguy cơ tác động tiêu cực lên môi trường nếu không có sự kiểm soát chặt chẽ. Do đó, Hà Giang cần hợp tác với các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để huy động vốn và chuyên môn, đồng thời học hỏi thêm từ các mô hình quản lý bền vững để cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Tóm lại, các khu kinh tế cửa khẩu có tiềm năng trở thành động lực chính cho sự phát triển kinh tế vùng biên của Hà Giang, nhưng để đạt được điều đó, cần có một chiến lược dài hạn, sự học hỏi từ các mô hình thành công và sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Chỉ khi đó, Hà Giang mới có thể xây dựng được một hệ thống cửa khẩu không chỉ hiện đại mà còn bền vững, đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng của cả khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

3.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ số

3.3.1. Xây dựng hệ thống hải quan điện tử

Việc số hóa quy trình hải quan không chỉ là một xu hướng tất yếu trong thời đại công nghệ 4.0 mà còn là giải pháp chiến lược để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường tính minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiêu cực như tham nhũng trong hoạt động thương mại biên mậu. Tại các khu vực biên giới như Hà Giang – nơi lưu lượng hàng hóa qua các cửa khẩu ngày càng gia tăng – sự chậm trễ và thiếu minh bạch trong các thủ tục hải quan truyền thống có thể trở thành rào cản lớn, làm giảm sức cạnh tranh của địa phương và gây thiệt hại cho cả doanh nghiệp lẫn ngân sách nhà nước. Do đó, việc chuyển đổi sang một hệ thống hải quan số hóa không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình thông quan mà còn mang lại những lợi ích kinh tế - xã hội sâu rộng, từ việc cải thiện môi trường kinh doanh đến nâng cao uy tín của hệ thống cửa khẩu trong mắt các đối tác quốc tế.

Theo báo cáo của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD, 2020), các quốc gia áp dụng hệ thống hải quan điện tử đã đạt được

những kết quả ấn tượng trong việc cải thiện hiệu suất quản lý. Cụ thể, thời gian xử lý các giao dịch xuất nhập khẩu có thể giảm tới 40%, nhờ vào việc loại bỏ các bước thủ công rườm rà và thay thế bằng các quy trình tự động hóa⁴⁴. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí liên quan đến lưu kho, vận chuyển hay các khoản phí phát sinh từ sự chậm trễ, mà còn tạo điều kiện để hàng hóa lưu thông nhanh chóng hơn qua biên giới. Hơn nữa, hệ thống hải quan điện tử còn góp phần nâng cao hiệu quả thu ngân sách, bởi việc số hóa giúp tăng tính chính xác trong việc tính toán thuế, giảm thiểu thất thoát do gian lận hoặc sai sót, đồng thời cung cấp dữ liệu minh bạch để các cơ quan chức năng dễ dàng theo dõi và kiểm soát. Những lợi ích này đặc biệt quan trọng đối với Hà Giang, nơi nguồn thu từ hoạt động thương mại biên giới đóng vai trò không nhỏ trong ngân sách địa phương.

Để tận dụng những ưu điểm của số hóa, Hà Giang cần đầu tư mạnh mẽ vào việc xây dựng một hệ thống quản lý hải quan hiện đại, tích hợp các công nghệ tiên tiến như nhận diện tự động và trí tuệ nhân tạo (AI). Theo hai học giả Liu và Wang, việc ứng dụng công nghệ nhận diện tự động – chẳng hạn như máy quét mã vạch, hệ thống RFID (nhận dạng qua tần số radio) hoặc camera giám sát thông minh – có thể giúp xác định nhanh chóng danh tính hàng hóa, phương tiện và giấy tờ liên quan, từ đó giảm thiểu thời gian kiểm tra thủ công và hạn chế sự can thiệp của con người – yếu tố thường dẫn đến các hành vi tiêu cực như tham nhũng hoặc lạm quyền. Đồng thời, trí tuệ nhân tạo có thể được sử dụng để phân tích dữ liệu lớn (big data), dự đoán các rủi ro tiềm ẩn như buôn lậu, gian lận thương mại, hoặc thậm chí phát hiện các mẫu hình bất thường trong luồng hàng hóa qua biên giới⁴⁵. Sự kết hợp giữa các công nghệ này không chỉ nâng cao hiệu quả thông

⁴⁴ UNCTAD. (2020). *Digital Trade and E-Customs: Opportunities and Challenges*. United Nations Conference on Trade and Development.

⁴⁵ Liu, Y., & Wang, H. (2021). *Border Trade and Socioeconomic Development in China-Vietnam Border Regions*. *Journal of Asian Studies*, 80(3), 435-459.

quan mà còn tạo ra một môi trường quản lý minh bạch, công bằng và đáng tin cậy.

Tuy nhiên, việc triển khai hệ thống hải quan số hóa tại Hà Giang không phải là nhiệm vụ đơn giản, đặc biệt khi xét đến những hạn chế về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực tại khu vực biên giới này. Trước hết, cần có một khoản đầu tư lớn vào phần cứng như máy chủ, thiết bị quét, và mạng lưới internet tốc độ cao, cũng như phần mềm quản lý chuyên dụng có khả năng tích hợp với các hệ thống quốc gia và quốc tế. Điều này đòi hỏi sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương, các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới hoặc Ngân hàng Phát triển Châu Á, và thậm chí là sự hợp tác với các đối tác Trung Quốc – nước đã có kinh nghiệm triển khai hải quan điện tử tại các tỉnh giáp Việt Nam. Ngoài ra, việc đào tạo đội ngũ cán bộ hải quan để họ làm quen với công nghệ mới cũng là một yếu tố quan trọng. Nếu không có kỹ năng cần thiết, các hệ thống hiện đại có thể không được vận hành tối ưu, dẫn đến lãng phí nguồn lực và giảm hiệu quả đầu tư.

Một khía cạnh khác cần lưu ý là sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình số hóa. Tại Hà Giang, hệ thống hải quan không hoạt động độc lập mà phải kết nối với các cơ quan như thuế, kiểm dịch, và an ninh biên giới. Do đó, việc xây dựng một nền tảng tích hợp, chẳng hạn như cơ chế một cửa quốc gia, sẽ giúp đồng bộ hóa dữ liệu và quy trình giữa các bên, tránh tình trạng chồng chéo hoặc gián đoạn trong xử lý thủ tục. Hơn nữa, để đảm bảo tính bền vững, Hà Giang cần thiết lập các chính sách bảo mật dữ liệu chặt chẽ, ngăn chặn nguy cơ tấn công mạng hoặc rò rỉ thông tin – những rủi ro thường gặp trong các hệ thống số hóa. Sự minh bạch không chỉ đến từ công nghệ mà còn từ cách quản lý và bảo vệ hệ thống đó.

Những đòi hỏi cấp thiết về việc số hóa quy trình hải quan là một bước đi chiến lược để Hà Giang nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu tham nhũng và tối ưu hóa hiệu quả thương mại biên mậu. Những lợi ích mà hệ thống hải quan điện tử mang

lại – từ cắt giảm thời gian giao dịch, tăng thu ngân sách đến cải thiện môi trường kinh doanh – đã được chứng minh qua các nghiên cứu quốc tế và hoàn toàn có thể áp dụng tại địa phương này. Tuy nhiên, để hiện thực hóa mục tiêu, Hà Giang cần đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ tiên tiến như nhận diện tự động và trí tuệ nhân tạo, đồng thời khắc phục các thách thức về hạ tầng, nhân lực và phối hợp liên ngành. Chỉ khi đó, hệ thống cửa khẩu của tỉnh mới thực sự trở thành một mô hình hiện đại, minh bạch và hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững cho khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

3.3.2. Sử dụng công nghệ blockchain trong quản lý giao dịch biên mậu

Công nghệ blockchain, với đặc tính phi tập trung, minh bạch và bảo mật cao, đang nổi lên như một giải pháp đột phá để quản lý các giao dịch thương mại biên mậu một cách an toàn và hiệu quả hơn, đặc biệt tại các khu vực biên giới như Hà Giang. Trong bối cảnh hoạt động thương mại qua biên giới ngày càng gia tăng, những thách thức như gian lận, thiếu minh bạch trong chuỗi cung ứng, hay khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc hàng hóa thường xuyên xuất hiện, gây ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Blockchain, với khả năng ghi lại mọi giao dịch trên một sổ cái bất biến và có thể kiểm chứng bởi tất cả các bên liên quan, không chỉ giúp giải quyết những vấn đề này mà còn mang lại cơ hội để Hà Giang hiện đại hóa hệ thống quản lý cửa khẩu, từ đó nâng cao vị thế trong mạng lưới thương mại khu vực.

Theo nghiên cứu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum, 2022), việc ứng dụng blockchain trong thương mại biên giới có thể mang lại những lợi ích vượt trội. Trước hết, công nghệ này giúp giảm thiểu gian lận thương mại – một vấn đề nhức nhối tại nhiều cửa khẩu, bao gồm cả Hà Giang, nơi các hoạt động buôn lậu hoặc khai báo sai giá trị hàng hóa vẫn còn tồn tại. Với blockchain, mỗi giao dịch từ xuất khẩu, nhập khẩu đến thanh toán đều được ghi nhận một cách minh bạch và không thể thay đổi, loại bỏ khả năng can thiệp thủ

công hoặc làm giả dữ liệu. Đồng thời, blockchain còn tối ưu hóa chuỗi cung ứng xuyên biên giới bằng cách cung cấp một nền tảng chung, nơi các bên như nhà sản xuất, nhà vận chuyển, hải quan và người tiêu dùng cuối cùng có thể truy cập thông tin theo thời gian thực. Điều này không chỉ rút ngắn thời gian xử lý mà còn giảm chi phí liên quan đến các thủ tục giấy tờ truyền thống, vốn thường mất nhiều công sức và dễ xảy ra sai sót.

Đối với Hà Giang – một tỉnh có thế mạnh về nông sản như chè, cam, và các mặt hàng tiêu dùng địa phương – blockchain có thể trở thành công cụ lý tưởng để nâng cao độ tin cậy và khả năng truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Việc triển khai thử nghiệm công nghệ này trong các giao dịch nông sản và hàng tiêu dùng sẽ giúp xây dựng một hệ thống quản lý đáng tin cậy, từ khâu sản xuất tại các xã vùng cao của Hà Giang, qua các cửa khẩu như Thanh Thủy hay Săm Pun, đến tay người tiêu dùng tại thị trường Trung Quốc hoặc nội địa Việt Nam. Chẳng hạn, khi một lô chè Shan tuyết được xuất khẩu, blockchain có thể ghi lại toàn bộ hành trình của sản phẩm – từ thời điểm thu hoạch, chế biến, đóng gói, đến vận chuyển và thông quan – trên một chuỗi dữ liệu bất biến. Người mua chỉ cần quét mã QR trên bao bì là có thể kiểm tra nguồn gốc, chất lượng và thậm chí cả thông tin về nông dân sản xuất, từ đó tăng giá trị thương hiệu và niềm tin vào sản phẩm của Hà Giang.

Tuy nhiên, để triển khai blockchain tại Hà Giang, cần có một kế hoạch cụ thể và sự đầu tư bài bản. Giai đoạn đầu, tỉnh có thể bắt đầu với các dự án thí điểm quy mô nhỏ, tập trung vào một số mặt hàng chủ lực như nông sản hoặc hàng thủ công mỹ nghệ. Điều này đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, các doanh nghiệp xuất khẩu và các đối tác công nghệ để xây dựng một hệ thống blockchain phù hợp với điều kiện thực tế. Ví dụ, một nền tảng blockchain đơn giản có thể được thiết kế để tích hợp với hệ thống hải quan điện tử hiện có, cho phép tự động hóa việc xác minh giấy tờ và theo dõi hàng hóa qua biên giới. Ngoài ra, việc đào tạo đội ngũ nhân lực địa phương để hiểu và vận hành công nghệ này

cũng là yếu tố quan trọng, bởi blockchain tuy mang lại nhiều lợi ích nhưng lại đòi hỏi kiến thức kỹ thuật chuyên sâu để triển khai và duy trì.

Một lợi ích khác của blockchain là khả năng kết nối với các đối tác quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc – thị trường tiêu thụ lớn nhất của Hà Giang. Nếu hai bên cùng áp dụng công nghệ này, các giao dịch qua biên giới sẽ trở nên liền mạch hơn, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các trung gian và tăng tính minh bạch trong thanh toán quốc tế. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp Hà Giang cạnh tranh tốt hơn mà còn tạo điều kiện để tỉnh thu hút đầu tư từ các công ty công nghệ hoặc đối tác thương mại quan tâm đến chuỗi cung ứng bền vững. Tuy nhiên, để đạt được điều này, Hà Giang cần phối hợp với các cơ quan trung ương và đối tác Trung Quốc để thống nhất tiêu chuẩn dữ liệu và đảm bảo tính tương thích giữa các hệ thống blockchain của hai bên.

Tuy nhiên, việc áp dụng blockchain cũng đối mặt với không ít thách thức. Chi phí đầu tư ban đầu cho cơ sở hạ tầng công nghệ, bao gồm máy chủ, phần mềm và hệ thống bảo mật, có thể là gánh nặng đối với một tỉnh còn hạn chế về ngân sách như Hà Giang. Ngoài ra, vấn đề kết nối internet tại các khu vực biên giới xa xôi cũng cần được giải quyết, bởi blockchain yêu cầu một mạng lưới ổn định để hoạt động hiệu quả. Hơn nữa, sự chấp nhận của các doanh nghiệp và người dân địa phương – vốn chưa quen với công nghệ tiên tiến – cũng là một rào cản cần vượt qua thông qua các chương trình nâng cao nhận thức và hỗ trợ kỹ thuật.

Blockchain là một giải pháp đầy tiềm năng để Hà Giang quản lý giao dịch biên mậu một cách minh bạch, an toàn và hiệu quả hơn. Từ việc giảm gian lận, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, đến nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc hàng hóa, công nghệ này có thể giúp tỉnh khai thác tối đa lợi thế thương mại biên giới, đặc biệt trong các lĩnh vực như nông sản và hàng tiêu dùng. Tuy nhiên, để triển khai thành công, Hà Giang cần bắt đầu từ các dự án thử nghiệm, đầu tư vào hạ tầng và nhân

lực, đồng thời hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Nếu được thực hiện đúng cách, blockchain không chỉ hiện đại hóa hệ thống cửa khẩu mà còn đưa Hà Giang trở thành một hình mẫu về ứng dụng công nghệ trong phát triển kinh tế biên giới bền vững.

3.4. Phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho khu vực biên giới

3.4.1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân địa phương

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng biên giới đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững tại các khu vực như Hà Giang, nơi thương mại biên mậu không chỉ là nguồn lực kinh tế quan trọng mà còn là động lực để cải thiện đời sống của người dân địa phương. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp nhỏ và vừa – vốn chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế vùng biên – cùng với cộng đồng dân cư, cần được trang bị những công cụ và điều kiện cần thiết để tận dụng tối đa các cơ hội mà hoạt động thương mại qua biên giới mang lại. Nếu không có sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả, những đối tượng này có thể bị bỏ lại phía sau, dẫn đến sự bất bình đẳng trong phân phối lợi ích kinh tế và làm suy yếu mục tiêu phát triển bền vững. Do đó, việc xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ toàn diện là điều kiện tiên quyết để Hà Giang không chỉ phát triển về kinh tế mà còn đảm bảo sự thịnh vượng xã hội lâu dài.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2021), các biện pháp hỗ trợ tài chính, đào tạo kỹ năng và thúc đẩy khởi nghiệp đã được chứng minh là những công cụ hiệu quả để nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ trong môi trường thương mại biên mậu. Hỗ trợ tài chính, chẳng hạn như cung cấp các khoản vay ưu đãi hoặc trợ cấp, giúp doanh nghiệp vượt qua rào cản về vốn – một trong những trở ngại lớn nhất khi tham gia vào chuỗi cung ứng xuyên biên giới. Đồng thời, các chương trình đào tạo kỹ năng không chỉ trang bị cho người lao động và chủ doanh nghiệp những kiến thức về quản lý, thương mại quốc tế, mà còn giúp họ thích nghi với những yêu cầu mới của thị trường, chẳng hạn như tiêu chuẩn chất lượng hay quy định xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, việc

thúc đẩy khởi nghiệp tạo ra một hệ sinh thái kinh doanh năng động, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, từ đó mở ra những cơ hội mới cho các sản phẩm và dịch vụ địa phương tại thị trường khu vực và quốc tế.

Đối với Hà Giang, một tỉnh có đặc thù là vùng núi cao với dân số chủ yếu sống dựa vào nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, các chính sách hỗ trợ cần được thiết kế sao cho phù hợp với thực tế địa phương. Một trong những giải pháp quan trọng là triển khai các chương trình hỗ trợ vay vốn ưu đãi dành cho doanh nghiệp nhỏ và hộ gia đình. Với nguồn vốn này, các doanh nghiệp có thể đầu tư vào máy móc, công nghệ hoặc mở rộng quy mô sản xuất, trong khi các hộ gia đình có thể chuyển đổi từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa thương mại có giá trị cao, chẳng hạn như chè Shan tuyết, mật ong bạc hà hay các sản phẩm thủ công truyền thống. Việc tiếp cận vốn dễ dàng hơn không chỉ giúp tăng năng suất mà còn tạo động lực để người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực hơn vào chuỗi giá trị thương mại biên giới, đặc biệt là với thị trường Trung Quốc – nơi tiêu thụ lớn các sản phẩm đặc sản của Hà Giang.

Ngoài hỗ trợ tài chính, việc khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình là một hướng đi đầy tiềm năng để phát triển sản xuất hàng hóa có giá trị cao. Hiện nay, phần lớn các hộ gia đình tại Hà Giang vẫn sản xuất ở quy mô nhỏ lẻ, thiếu sự kết nối với thị trường và không đủ năng lực để đáp ứng các đơn hàng lớn. Trong khi đó, các doanh nghiệp lại cần nguồn cung ổn định để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Hợp tác xã có thể đóng vai trò trung gian, tổ chức sản xuất tập trung, đảm bảo chất lượng và tạo cầu nối giữa hộ gia đình với doanh nghiệp. Chẳng hạn, một hợp tác xã trồng chè tại Hà Giang có thể liên kết với doanh nghiệp xuất khẩu để sản xuất chè hữu cơ đạt tiêu chuẩn quốc tế, từ đó nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho cả nông dân lẫn doanh nghiệp. Chính sách hỗ trợ ở đây có thể bao gồm trợ cấp ban đầu cho hợp tác xã, tổ chức các khóa đào tạo về kỹ thuật canh tác hiện đại hoặc hỗ trợ xây dựng thương hiệu chung cho các sản phẩm địa phương.

Tuy nhiên, để các chính sách này phát huy hiệu quả, Hà Giang cần giải quyết một số thách thức thực tế. Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người dân về lợi ích của việc tham gia thương mại biên mậu thông qua các chương trình tuyên truyền và hội thảo. Nhiều hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ tại Hà Giang vẫn còn e ngại về rủi ro hoặc thiếu thông tin về thị trường, dẫn đến việc họ chưa tận dụng được các cơ hội sẵn có. Thứ hai, cần xây dựng một cơ chế quản lý minh bạch để đảm bảo rằng các khoản vay hoặc trợ cấp đến đúng đối tượng thụ hưởng, tránh tình trạng lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích. Cuối cùng, việc phối hợp với các tổ chức quốc tế như World Bank hoặc các đối tác Trung Quốc cũng là một giải pháp để huy động thêm nguồn lực tài chính và chuyên môn, giúp các chương trình hỗ trợ được triển khai đồng bộ và hiệu quả hơn.

Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng biên giới là nền tảng để Hà Giang đạt được sự phát triển bền vững trong thương mại biên mậu. Từ việc cung cấp hỗ trợ tài chính, đào tạo kỹ năng, đến khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình, những biện pháp này không chỉ giúp tối ưu hóa cơ hội kinh tế mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân vùng biên. Tuy nhiên, để thành công, cần có sự điều chỉnh phù hợp với đặc thù địa phương, sự quản lý minh bạch và sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan. Chỉ khi đó, Hà Giang mới có thể biến tiềm năng thương mại biên giới thành động lực thực sự cho sự phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, đồng thời góp phần xây dựng một cộng đồng biên giới thịnh vượng và tự chủ.

3.4.2. Chú trọng bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển cửa khẩu

Bảo vệ môi trường không chỉ là một nhiệm vụ bổ sung mà còn là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống cửa khẩu tại Hà Giang, một khu vực biên giới với tiềm năng kinh tế lớn nhưng cũng dễ bị tổn thương về mặt sinh thái. Các hoạt động thương mại biên mậu, dù mang lại lợi ích kinh tế đáng kể, thường đi kèm với những hệ lụy tiêu cực như ô nhiễm không khí, nước

và đất nếu không được quản lý chặt chẽ. Đặc biệt, với địa hình đồi núi đặc trưng và hệ sinh thái phong phú của Hà Giang, việc không chú trọng đến bảo vệ môi trường có thể dẫn đến suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân địa phương và làm suy giảm sức hấp dẫn của khu vực đối với các nhà đầu tư dài hạn. Do đó, việc tích hợp các chính sách môi trường vào chiến lược phát triển cửa khẩu không chỉ là yêu cầu đạo đức mà còn là điều kiện tiên quyết để duy trì sự cân bằng giữa kinh tế và sinh thái trong dài hạn.

Theo nghiên cứu của Liên Hợp Quốc, các hoạt động thương mại biên giới có thể gây ra ô nhiễm nghiêm trọng nếu thiếu các biện pháp kiểm soát hiệu quả⁴⁶. Tại Hà Giang, lưu lượng xe tải, container qua các cửa khẩu như Thanh Thủy hay Săm Pun ngày càng tăng, kéo theo lượng khí thải lớn từ động cơ diesel, rác thải từ bao bì hàng hóa, và nước thải từ các hoạt động logistics. Nếu không có sự can thiệp kịp thời, những tác động này không chỉ làm suy giảm chất lượng không khí mà còn đe dọa các con sông, suối – nguồn nước sinh hoạt chính của cộng đồng địa phương – cũng như phá hủy các hệ sinh thái tự nhiên vốn là tài sản quý giá của vùng cao nguyên đá Đồng Văn. Vì vậy, Hà Giang cần triển khai một loạt các biện pháp cụ thể, từ ứng dụng công nghệ xanh đến nâng cao ý thức cộng đồng, nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực này và hướng tới một mô hình phát triển cửa khẩu bền vững.

Một trong những giải pháp quan trọng mà Hà Giang có thể áp dụng là sử dụng năng lượng tái tạo trong các hoạt động vận hành tại cửa khẩu. Việc lắp đặt các tấm pin mặt trời hoặc turbine gió tại các khu vực cửa khẩu không chỉ giúp giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch mà còn cắt giảm lượng khí thải carbon phát sinh từ các cơ sở logistics và trạm kiểm soát. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi – nhiều nắng và gió ở vùng núi cao – Hà Giang hoàn toàn có tiềm năng để triển khai các dự án năng lượng tái tạo quy mô nhỏ, cung cấp điện cho chiếu sáng,

⁴⁶ UN. (2015). *Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. United Nations.

máy móc và các hệ thống quản lý điện tử. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn giảm chi phí vận hành lâu dài, tạo điều kiện để tái đầu tư vào các hạng mục phát triển khác.

Ngoài ra, kiểm soát khí thải từ các phương tiện vận tải cũng là một ưu tiên cấp thiết. Hiện nay, nhiều xe tải qua lại cửa khẩu Hà Giang sử dụng động cơ cũ, thải ra lượng khí CO₂ và bụi mịn vượt mức cho phép, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh. Để giải quyết vấn đề này, Hà Giang có thể áp dụng các tiêu chuẩn khí thải nghiêm ngặt hơn, yêu cầu các phương tiện lắp đặt bộ lọc khí thải hoặc chuyển sang sử dụng nhiên liệu sạch như khí tự nhiên nén (CNG). Đồng thời, việc xây dựng các trạm kiểm tra khí thải ngay tại khu vực cửa khẩu sẽ giúp giám sát và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm, từ đó cải thiện chất lượng không khí và giảm áp lực lên hệ sinh thái địa phương.

Một biện pháp khác không kém phần quan trọng là xây dựng hệ thống xử lý nước thải hiện đại tại các khu vực cửa khẩu. Nước thải từ các hoạt động như rửa xe, vệ sinh cơ sở logistics hay sinh hoạt của nhân viên nếu không được xử lý đúng cách có thể thấm thấu vào đất và nguồn nước ngầm, gây ô nhiễm nghiêm trọng. Hà Giang cần đầu tư vào các nhà máy xử lý nước thải với công nghệ tiên tiến, có khả năng lọc sạch các chất độc hại trước khi xả ra môi trường. Hệ thống này không chỉ bảo vệ nguồn nước mà còn tạo điều kiện để tái sử dụng nước trong một số công đoạn, góp phần tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí vận hành. Theo Smith, những mô hình xử lý nước thải như vậy đã được áp dụng thành công tại nhiều khu vực biên giới trên thế giới và hoàn toàn có thể nhân rộng tại Hà Giang nếu có sự hỗ trợ về vốn và chuyên môn⁴⁷.

Cuối cùng, việc trồng cây xanh xung quanh các cửa khẩu là một giải pháp đơn giản nhưng hiệu quả để giảm thiểu tác động môi trường. Cây xanh không chỉ

⁴⁷ Smith, J. (2020). *Environmental Sustainability in Cross-border Trade*. Oxford University Press.

hấp thụ CO₂, cải thiện chất lượng không khí mà còn giúp chống xói mòn đất – một vấn đề phổ biến ở vùng đồi núi Hà Giang, đặc biệt trong mùa mưa. Các chương trình trồng rừng hoặc phủ xanh khu vực cửa khẩu có thể được triển khai với sự tham gia của cộng đồng địa phương, vừa tạo việc làm, vừa nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, việc tạo ra các vành đai xanh còn mang lại giá trị cảnh quan, biến các cửa khẩu thành những khu vực không chỉ hiện đại mà còn thân thiện với thiên nhiên, từ đó thu hút thêm du khách và nhà đầu tư quan tâm đến phát triển bền vững.

Để thực hiện những biện pháp này, Hà Giang cần vượt qua các thách thức về nguồn lực và phối hợp. Các dự án năng lượng tái tạo hay xử lý nước thải đòi hỏi vốn đầu tư lớn, trong khi ngân sách địa phương còn hạn chế. Do đó, sự hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc) hoặc vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Châu Á sẽ là giải pháp khả thi. Đồng thời, cần có các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào bảo vệ môi trường, chẳng hạn như giảm thuế cho những đơn vị áp dụng công nghệ xanh. Hơn nữa, nâng cao nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về tầm quan trọng của môi trường thông qua giáo dục và truyền thông cũng là yếu tố không thể thiếu.

Bảo vệ môi trường là nền tảng để Hà Giang phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu, đảm bảo rằng lợi ích kinh tế từ thương mại biên giới không phải trả giá bằng sự suy thoái sinh thái. Từ sử dụng năng lượng tái tạo, kiểm soát khí thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đến trồng cây xanh, những biện pháp này không chỉ giảm thiểu tác động tiêu cực mà còn tạo ra một hình mẫu cửa khẩu xanh, hiện đại. Tuy nhiên, để thành công, cần có sự đầu tư đồng bộ, sự hợp tác giữa các bên và sự cam kết lâu dài từ chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng. Chỉ khi đó, Hà Giang mới có thể vừa khai thác tối đa tiềm năng kinh tế biên giới, vừa bảo tồn được vẻ đẹp tự nhiên và tài nguyên quý giá của mình cho các thế hệ tương lai.

Tiểu kết chương 3

Chương này đã tập trung phân tích và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu tại Hà Giang, dựa trên việc đánh giá thực trạng và các thách thức mà tỉnh đang đối mặt. Những giải pháp được trình bày không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn là các chiến lược dài hạn, hướng tới việc tối ưu hóa tiềm năng thương mại biên mậu, nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo sự cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Các nội dung chính bao gồm hoàn thiện chính sách quản lý cửa khẩu, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường ứng dụng công nghệ số, và chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp cùng bảo vệ môi trường, tất cả đều được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn từ các nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước.

Cụ thể, cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh hợp tác song phương với Trung Quốc được xác định là những bước đi quan trọng để giảm thiểu rào cản trong thương mại biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và tăng cường hiệu suất hoạt động của hệ thống cửa khẩu. Việc đầu tư vào hạ tầng giao thông và xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu hiện đại không chỉ cải thiện khả năng kết nối mà còn tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội toàn diện tại vùng biên. Đồng thời, ứng dụng công nghệ số, bao gồm hệ thống hải quan điện tử và blockchain, được nhấn mạnh như các công cụ then chốt để nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu gian lận và tối ưu hóa chuỗi cung ứng xuyên biên giới. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, cùng với các biện pháp bảo vệ môi trường như sử dụng năng lượng tái tạo hay xử lý nước thải, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng sự phát triển kinh tế không gây tổn hại đến tài nguyên thiên nhiên và chất lượng cuộc sống của người dân.

KẾT LUẬN

Hệ thống cửa khẩu tại Hà Giang, với vai trò là cầu nối quan trọng trong thương mại Việt - Trung, không chỉ đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh mà còn là một nhân tố quan trọng trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Bài nghiên cứu này đã tập trung phân tích thực trạng của hệ thống cửa khẩu tại Hà Giang, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, và từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của hệ thống này. Thông qua việc tổng hợp các tài liệu học thuật, dữ liệu thực tiễn và chính sách hiện hành, nghiên cứu đã làm rõ rằng phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu không chỉ là một yêu cầu cấp thiết mà còn là một mục tiêu dài hạn, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan. Những phát hiện chính nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải cách chính sách quản lý, đầu tư vào cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ hiện đại, và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên như những yếu tố cốt lõi để đạt được sự bền vững. Đây là nền tảng để Hà Giang tận dụng tối đa lợi thế địa lý chiến lược, đồng thời vượt qua các thách thức hiện tại để hướng tới một tương lai thịnh vượng hơn.

Xét về tình hình thực tế, Hà Giang là một tỉnh miền núi phía Bắc với vị trí địa lý đặc biệt, nằm trên tuyến biên giới dài với Trung Quốc – một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Hệ thống cửa khẩu tại đây, bao gồm các cửa khẩu như Thanh Thủy và Săm Pun, đã và đang đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy giao thương, tạo việc làm, và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Tuy nhiên, hệ thống này vẫn đối mặt với nhiều hạn chế đáng kể. Cơ sở hạ tầng giao thông và cửa khẩu còn lạc hậu, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của hoạt động thương mại biên mậu. Thủ tục hành chính phức tạp và thiếu sự tối ưu hóa cũng làm chậm tiến độ thông quan, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến việc khai thác tiềm năng kinh tế của khu vực còn hạn chế. Những vấn đề này không chỉ làm giảm khả năng cạnh

tranh của Hà Giang mà còn đặt ra yêu cầu cấp bách về một chiến lược phát triển đồng bộ, toàn diện để nâng cao hiệu suất và tính bền vững của hệ thống cửa khẩu.

Sự phát triển bền vững của hệ thống cửa khẩu Hà Giang chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố đa chiều. Chính sách quản lý đóng vai trò định hướng, trong khi cơ sở hạ tầng là nền tảng vật chất để đảm bảo lưu thông hàng hóa. Hợp tác thương mại song phương với Trung Quốc là động lực thúc đẩy giao thương, còn ứng dụng công nghệ hiện đại lại là công cụ để nâng cao hiệu quả và minh bạch. Ngoài ra, môi trường kinh tế - xã hội vùng biên, cùng với các thách thức như biến đổi khí hậu, cũng có tác động không nhỏ đến quá trình phát triển. Những rào cản cụ thể như thủ tục hành chính rườm rà, thiếu hụt nguồn vốn đầu tư, và nguy cơ ô nhiễm môi trường từ hoạt động thương mại đòi hỏi phải có các giải pháp khắc phục kịp thời. Nếu không giải quyết được những vấn đề này, Hà Giang sẽ khó đạt được mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời bỏ lỡ cơ hội tận dụng vị trí chiến lược để trở thành một trung tâm thương mại biên giới quan trọng trong khu vực.

Nhằm khắc phục những hạn chế và thúc đẩy sự phát triển bền vững, bài nghiên cứu đã đề xuất một loạt giải pháp cụ thể, mang tính thực tiễn cao. Trước hết, cải cách thủ tục hành chính là bước đi cần thiết để giảm thời gian thông quan, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch trong quản lý. Thứ hai, tăng cường hợp tác song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ giúp xây dựng một khung pháp lý vững chắc và nâng cao hiệu suất thương mại biên giới thông qua các hiệp định và chính sách ưu đãi. Thứ ba, việc đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu hiện đại sẽ tạo nền tảng vật chất để Hà Giang kết nối hiệu quả với các trung tâm kinh tế lớn. Thứ tư, ứng dụng công nghệ số, bao gồm hệ thống hải quan điện tử và blockchain, không chỉ tối ưu hóa quy trình thông quan mà còn đảm bảo an toàn và minh bạch trong quản lý giao dịch. Cuối cùng, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân địa phương, cùng với các biện pháp bảo vệ môi trường như sử dụng năng lượng

tái tạo hay xử lý nước thải, sẽ đảm bảo rằng lợi ích kinh tế đi đôi với sự phát triển xã hội và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Dựa trên những phân tích và giải pháp đề xuất, bài nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị cụ thể để các bên liên quan cùng thực hiện. Đối với chính quyền địa phương, cần hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích đầu tư vào hệ thống cửa khẩu, đơn giản hóa thủ tục hành chính, và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trung ương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Đối với doanh nghiệp và người dân, cần chủ động tận dụng các chính sách hỗ trợ để mở rộng quy mô kinh doanh, đồng thời áp dụng công nghệ và tuân thủ các quy định về phát triển bền vững. Về hợp tác song phương Việt - Trung, hai nước nên đẩy mạnh đàm phán các hiệp định thương mại, đầu tư vào hạ tầng kết nối, và hợp tác trong lĩnh vực chuyển đổi số để xây dựng một hệ thống quản lý biên mậu hiện đại. Những kiến nghị này không chỉ hướng tới việc giải quyết các vấn đề hiện tại mà còn đặt nền móng cho một chiến lược phát triển dài hạn, bền vững.

Tóm lại, phát triển bền vững hệ thống cửa khẩu tại Hà Giang là một nhiệm vụ mang tính chiến lược, đòi hỏi sự nỗ lực đồng bộ từ chính quyền, doanh nghiệp, và cộng đồng địa phương, cùng với sự hỗ trợ từ các đối tác quốc tế. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp như cải cách chính sách, đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ, và bảo vệ môi trường sẽ giúp Hà Giang nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, và cải thiện đời sống của người dân vùng biên. Hơn thế nữa, đây còn là cách để tỉnh khẳng định vị thế trong mạng lưới thương mại khu vực, đồng thời đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia. Để đạt được những thành tựu này, cần có sự cam kết mạnh mẽ và hành động quyết liệt từ tất cả các bên, biến những thách thức hiện tại thành cơ hội cho một tương lai thịnh vượng và bền vững tại vùng biên giới phía Bắc Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB. (2022). *Regional Trade Agreements and Sustainable Border Development*. Asian Development Bank.
2. Bảo vệ vững chắc biên cương cực Bắc của Tổ quốc. (2024). Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang. <https://hagiang.gov.vn/hoat-dong-cua-tinh/bao-ve-vung-chac-bien-cuong-cuc-bac-cua-to-quo-605065>
3. Brundtland, G. H., & Khalid, M. (1987). *Our common future*. Oxford University Press, Oxford, GB.
4. Costanza, R., d'Arge, R., De Groot, R., Farber, S., Grasso, M., Hannon, B., ... & Van Den Belt, M. (1997). The value of the world's ecosystem services and natural capital. *nature*, 387(6630), 253-260.
5. Daly, H. E. (1996). *Beyond growth: The economics of sustainable development*. Beacon Press.
6. Hà Giang: Hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng trưởng mạnh. (2023). Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang.
7. Hà Giang: Hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng trưởng mạnh. (2023). Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang.
8. Hà Giang: Nỗ lực thu hút đầu tư phát triển thương mại biên giới. (2024). Báo Công Thương.
9. Hanks, E. H., & Hanks, J. L. (1969). An Environmental Bill of Rights: The Citizen Suit and the National Environmental Policy Act of 1969. *Rutgers L. Rev.*, 24, 230.
10. Hoàng Đình Khánh. (2025). Cục Thống kê tỉnh Hà Giang.
11. Hồng Minh, (2023), Hà Giang: Hoạt động xuất nhập khẩu 2023 tăng trưởng mạnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang

12. Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC). (2018). *Global warming of 1.5°C: Summary for policymakers*. Retrieved from <https://www.ipcc.ch/>
13. Kế hoạch số 281/KH-UBND
14. Lễ thông quan cửa khẩu Săm Pun, Việt Nam - Điện Bông, Trung Quốc. (2023). <https://meovac.hagiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/news/44733/le-thong-quan-cua-khau-song-phuong-sam-pun-viet-nam-dien-bong-trung-quoc.html>
15. Li, X. (2020). *Cross-border Trade and Economic Growth in East Asia*. Springer.
16. Liu, Y., & Wang, H. (2021). *Border Trade and Socioeconomic Development in China-Vietnam Border Regions*. *Journal of Asian Studies*, 80(3), 435-459.
17. Malthus, T. R. (1993). *An essay on the principle of population*. Oxford University Press. (Original work published 1798).
18. Mill, J. S. (2004). *Principles of political economy*. Prometheus Books. (Original work published 1848).
19. Nguyễn, H. (2020). *Hệ thống cửa khẩu Việt Nam: Hiện trạng và giải pháp phát triển*. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 295, 15-28.
20. Nguyễn, M. T., & Hoàng, T. L. (2021). *Phát triển kinh tế biên mậu Việt Nam: Thực trạng và định hướng*. NXB Chính trị Quốc gia.
21. OECD. (2018). *Green growth indicators 2017*. OECD Publishing.
22. Pigou, A. C. (2013). *The economics of welfare*. Palgrave Macmillan.

- 23.Porter, M. E., & Linde, C. V. D. (1995). Toward a new conception of the environment-competitiveness relationship. *Journal of economic perspectives*, 9(4), 97-118.
- 24.Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2014). *Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014*.
- 25.Rockström, J., Steffen, W., Noone, K., Persson, Å., Chapin, F. S., Lambin, E. F., ... & Foley, J. A. (2009). A safe operating space for humanity. *nature*, 461(7263), 472-475.
- 26.Sachs, J. D. (2015). *The age of sustainable development*. Columbia University Press, p.25.
- 27.Sen, A. (1999). Development as Freedom Oxford University Press Shaw TM & Heard. *The Politics of Africa: Dependence and Development*.
- 28.Smith, J. (2020). *Environmental Sustainability in Cross-border Trade*. Oxford University Press.
- 29.Thu, N. A., Phương, N. T. M., Hà, N. T. V., & Nghiêm, B. B. (2020). Thương mại biên giới của Việt Nam, Thực trạng và một số vấn đề đặt ra. *Bản B của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 62(4).
- 30.Trần Thị Hạnh. (2020). Chính sách giảm nghèo bền vững ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 36(1), 45-60.
- 31.UN. (2015). *Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. United Nations.
- 32.UNCTAD. (2020). *Digital Trade and E-Customs: Opportunities and Challenges*. United Nations Conference on Trade and Development.

- 33.UNESCO. (2020). *Education for sustainable development: A roadmap*. Retrieved from <https://unesdoc.unesco.org/>
- 34.WCED (World Commission on Environment and Development). (1987). *Our Common Future*. Oxford University Press.
- 35.WCED. (1987). *Our Common Future*. Oxford University Press.
- 36.WHO. (2019). *Air pollution and health*. Retrieved from <https://www.who.int/>
- 37.World Bank. (2019). *Trade Facilitation and Border Efficiency in Emerging Economies*. The World Bank.
- 38.World Bank. (2021). *Trade Facilitation and Digital Border Management*. The World Bank.
- 39.World Wildlife Fund. (1980). *World conservation strategy: Living resource conservation for sustainable development*. Gland, Switzerland: IUCN.

PHỤ LỤC



Hình 1.1: Bên trong cửa khẩu Thiên Bảo (Trung Quốc)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 1.2: Bên trong cửa khẩu Thiên Bảo (Trung Quốc)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 2.1: Một góc của thành phố Malipo (Ma Lạt Pha - Trung Quốc)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 2.2: Một góc của thành phố Malipo (Ma Lật Pha - Trung Quốc)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 2.3: Một góc của thành phố Malipo (Ma Lạt Pha - Trung Quốc)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 2.4: Một góc của thành phố Malipo (Ma Lạt Pha - Trung Quốc)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



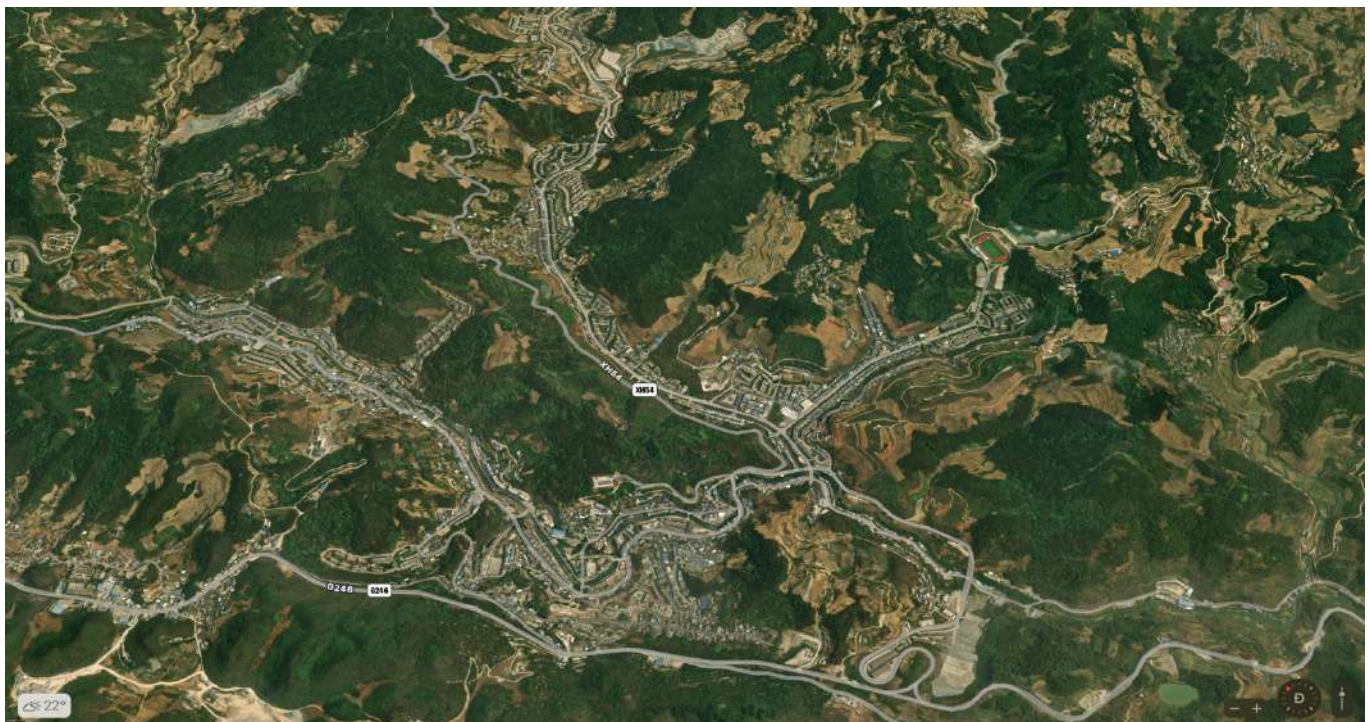
Hình 3.1: Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy (Việt Nam) và cửa khẩu Quốc tế Thiên Bảo (Trung Quốc)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 4.1: Ảnh chụp vệ tinh khu vực cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy (Việt Nam) và cửa khẩu Quốc tế Thiên Bảo (Trung Quốc)

(Nguồn: Apple Maps – Chụp ngày 10/4/2025)



Hình 4.2: Ảnh chụp vệ tinh trung tâm thành phố Malipo (Yân Nam, Trung Quốc)

(Nguồn: Apple Maps – Chụp ngày 10/4/2025)



Hình 4.3: Ảnh chụp vệ tinh trung tâm huyện Vị Xuyên (Việt Nam)

(Nguồn: Apple Maps – Chụp ngày 10/4/2025)